

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Phạm Nguyễn Hồng Huệ
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ KINH DOANH KIM KHÍ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Nguyễn Hồng Huệ
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Nguyễn Hồng Huệ

Mã SV: 110127

Lớp: QT1103K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và
Kinh doanh Kim khí

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: **PHẠM NGUYỄN HỒNG HUỆ** Ngày sinh: 26/06/1989
Lớp: QT1103K Ngành: Kế toán – Kiểm toán Khóa 11
Thực tập tại: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí
Từ ngày: 14/02/2011 đến ngày 28/03/2011

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

.....
.....
.....

2. Về những công việc được giao:

.....
.....
.....

3. Kết quả đạt được:

.....
.....
.....
.....

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2011
Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.2 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.2.1 Doanh thu	4
1.2.1.1 Khái niệm	4
1.2.1.2 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu	5
1.2.1.2.1 Các loại doanh thu	5
1.2.1.2.2 Phương pháp xác định doanh thu	6
1.2.1.3 Vai trò, vị trí của doanh thu trong doanh nghiệp	7
1.2.1.4 Các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.2 Chí phí	9
1.2.2.1 Khái niệm	9
1.2.2.2 Các loại chi phí trong doanh nghiệp	9
1.2.3 Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	12
1.2.3.1 Khái niệm	12
1.2.3.2 Cách xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	12
1.2.3.3 Ý nghĩa, vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh	12

1.3 NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	13
1.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13
1.3.1.1 Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	13
1.3.1.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng	13
1.3.1.1.2 Sổ sách kế toán sử dụng	13
1.3.1.1.3 Tài khoản sử dụng	13
1.3.1.2 Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15
1.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	18
1.3.2.1 Tài khoản sử dụng	18
1.3.2.2 Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	19
1.3.3 Kế toán giá vốn hàng bán	21
1.3.3.1 Các phương pháp tính trị giá vốn hàng bán	21
1.3.3.2 Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	23
1.3.3.2.1 Các chứng từ sử dụng	23
1.3.3.2.2 Sổ sách sử dụng	23
1.3.3.2.3 Tài khoản sử dụng	23
1.3.3.3 Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)	24
1.3.3.4 Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)	25
1.3.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	27
1.3.4.1 Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	27
1.3.4.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng	27
1.3.4.1.2 Sổ sách kế toán sử dụng	27
1.3.4.1.3 Tài khoản kế toán sử dụng	27
1.3.4.2 Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN	28
1.3.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	30
1.3.5.1 Các sổ sách và tài khoản sử dụng	30
1.3.5.1.1 Sổ sách sử dụng	30

1.3.5.1.2 Tài khoản sử dụng	30
1.3.5.2 Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	31
1.3.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	32
1.3.6.1 Các sổ sách và tài khoản sử dụng	32
1.3.6.1.1 Sổ sách sử dụng	32
1.3.6.1.2 Tài khoản sử dụng	33
1.3.6.2 Phương pháp hạch toán doanh thu khác và chi phí khác	34
1.3.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	35
1.3.7.1 Các sổ sách và tài khoản sử dụng	36
1.3.7.1.1 Sổ sách sử dụng	36
1.3.7.1.2 Tài khoản sử dụng	36
1.3.7.2 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36
1.3.7.3 Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh	37
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ	39
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ	39
2.1.1 Giới thiệu chung về quá trình hình thành và phát triển của Công ty	39
2.1.2 Đặc điểm ngành nghề kinh doanh và sản phẩm của Công ty	40
2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	42
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty	46
2.1.4.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	46
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty	48
2.1.5 Những thuận lợi, khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động	50
2.1.5.1 Thuận lợi	50
2.1.5.2 Khó khăn	52

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ	52
2.2.1 Đặc điểm công tác bán hàng tại Công ty	52
2.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	54
2.2.2.1 Các chứng từ và tài khoản sử dụng	54
2.2.2.2 Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	55
2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán	62
2.2.3.1 Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	62
2.2.3.2 Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán	62
2.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	66
2.2.4.1 Kế toán chi phí bán hàng	66
2.2.4.1.1 Các chứng từ và tài khoản sử dụng	66
2.2.4.1.2 Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng	66
2.2.4.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	71
2.2.4.2.1 Các chứng từ và tài khoản sử dụng	71
2.2.4.2.2 Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	71
2.2.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	75
2.2.5.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	75
2.2.5.2 Kế toán chi phí tài chính	79
2.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	82
2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	85
2.2.7.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	85
2.2.7.2 Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh	85
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ	91
3.1 NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ	91

3.1.1	Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty	91
3.1.2	Ưu điểm	92
3.1.2.1	<i>Về tổ chức công tác kế toán tại Công ty</i>	92
3.1.1.2	<i>Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD</i>	95
3.1.2	Nhược điểm	96
3.1.2.1	<i>Về tổ chức công tác kế toán tại Công ty</i>	96
3.1.2.2	<i>Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD</i>	97
3.2	MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ	98
3.2.1	Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	98
3.2.2	Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	99
3.2.3	Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán ...	99
3.2.4	Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	100
3.2.4.1	<i>Về việc luân chuyển chứng từ</i>	100
3.2.4.2	<i>Về việc sắp xếp vị trí của các nhân viên kế toán</i>	101
3.2.4.3	<i>Về việc sử dụng TK 007 để theo dõi nguyên tệ của ngoại tệ</i>	101
3.2.4.4	<i>Về việc sử dụng Tài khoản 521 – Chiết khấu thanh toán để phản ánh các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng</i>	101
3.2.4.5	<i>Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán đối với khách hàng thanh toán trước thời hạn</i>	108
3.2.4.6	<i>Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi</i>	109
	KẾT LUẬN	112

LỜI MỞ ĐẦU

Sau khi nước ta gia nhập WTO đã đặt ra cho các doanh nghiệp những thuận lợi và khó khăn nhất định, để đứng vững và tồn tại các doanh nghiệp cần phải chủ động trong việc tìm kiếm thị trường, đa dạng hóa các mặt hàng sản phẩm. Đây là thách thức lớn đặt ra cho tất cả các nhà quản trị. Như ta đã biết, mục tiêu của kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận và kiểm soát được rủi ro. Để có được thành công đòi hỏi các doanh nghiệp phải tìm tòi nghiên cứu thị trường nhằm thu được lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, có lợi nhuận doanh nghiệp mới có điều kiện để mở rộng tái sản xuất và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đầu tư theo chiều sâu, nâng cao cải thiện đời sống vật chất tinh thần của người lao động nói riêng và toàn doanh nghiệp nói chung.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi những hoạt động kinh doanh hằng ngày, phải biết cách nắm bắt thông tin chính xác, khách quan, cụ thể. Kết quả hoạt động kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp vì nếu doanh nghiệp nào tổ chức tốt nghiệp vụ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra và xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh sẽ có điều kiện tồn tại và phát triển. Ngược lại, nếu doanh nghiệp nào không tiêu thụ được hàng hoá của mình, xác định không chính xác kết quả bán hàng sẽ dẫn đến tình trạng “lãi giả, lỗ thật” thì sớm muộn cũng đi đến chỗ phá sản.

Kế toán đã thực sự trở thành một lĩnh vực không thể thiếu ở các doanh nghiệp hiện nay, trong đó việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kế toán bán hàng nên trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí em đã đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài: Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh

doanh Kim khí để thấy được những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí trong năm 2010.

Khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương chính:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí.

Trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của các cán bộ và nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty và cô giáo – Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH****1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá rủi ro). Lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu và chi phí. Hay nói cách khác, doanh thu, chi phí, lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần theo dõi doanh thu, chi phí của doanh nghiệp để biết nên kinh doanh mặt hàng nào, mở rộng sản phẩm nào, hạn chế sản phẩm nào để có thể đạt được kết quả cao nhất.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối kết quả một cách khoa học, hợp lí và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp thông tin giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất; đồng thời giúp cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý tài chính, cơ quan thuế... giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong công tác quản lý hoạt động bán hàng và xác định kết quả kinh doanh vai trò của kế toán rất quan trọng. Nó phản ánh tình hình vận động của hàng hóa,

hoạt động tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Các thông tin mà kế toán cung cấp không chỉ phục vụ cho công tác quản lý kinh tế của doanh nghiệp mà còn là đối tượng quan tâm của các nhà đầu tư, cơ quan thuế, chủ nợ...

Thông tin kế toán giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nắm vững được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, sự biến động của nó, thiết lập sự cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ, tìm ra những phương án kinh doanh có hiệu quả nhất.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.2. MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Doanh thu

1.2.1.1. Khái niệm

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.2.1.2. Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

1.2.1.2.1. Các loại doanh thu

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp...

Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính được xác định trên cơ sở:

- Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

1.2.1.2.2. Phương pháp xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo

phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

1.2.1.3. Vai trò, vị trí của doanh thu trong doanh nghiệp

- Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp..., đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con.

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức tăng sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp.

- Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tốt, góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

- Cuối cùng nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải những khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính, nếu tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại dẫn đến phá sản doanh nghiệp.

1.2.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính).

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách....

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- **Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt:** Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế XK, thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

$$\begin{array}{ccccccc}
 & & DT & Chiết & DT HB & & Thuế TTĐB, \\
 \text{Doanh thu} & & & & & & \text{thuế XK phải} \\
 \text{thuần} & = & \text{bán} & - & \text{bị trả} & - & \text{nộp, thuế GTGT} \\
 & & \text{hàng} & & \text{lại} & & \text{trực tiếp} \\
 & & & TM & & & \\
 & & & & & &
 \end{array}$$

1.2.2. Chí phí

1.2.2.1. Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.2.2.2. Các loại chi phí trong doanh nghiệp

❖ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).
- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định.
- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định về bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...

- Thuế, phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác...

❖ **Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

❖ **Chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận của một kỳ. Trong đó:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc thu trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1.2.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.3.3. Ý nghĩa, vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh doanh thu thu được với chi phí, nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác

định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.1.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

1.3.1.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01/GTKT-3LL, Hoá đơn giá trị gia tăng Mẫu số 02/GTTT-3LL)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.3.1.1.2. Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Báo cáo bán hàng
- Sổ cái TK 511, TK 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.3.1.1.3. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

❖ **Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các sản phẩm, hàng hóa xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ **Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp** chi tiết theo TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

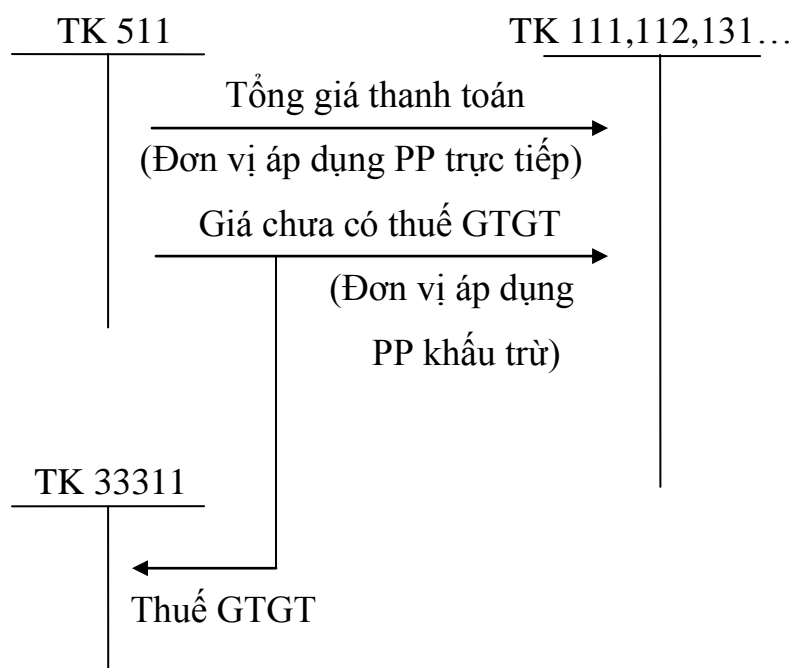
Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131...

1.3.1.2. Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ TH 1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

Sơ đồ 1.3.1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



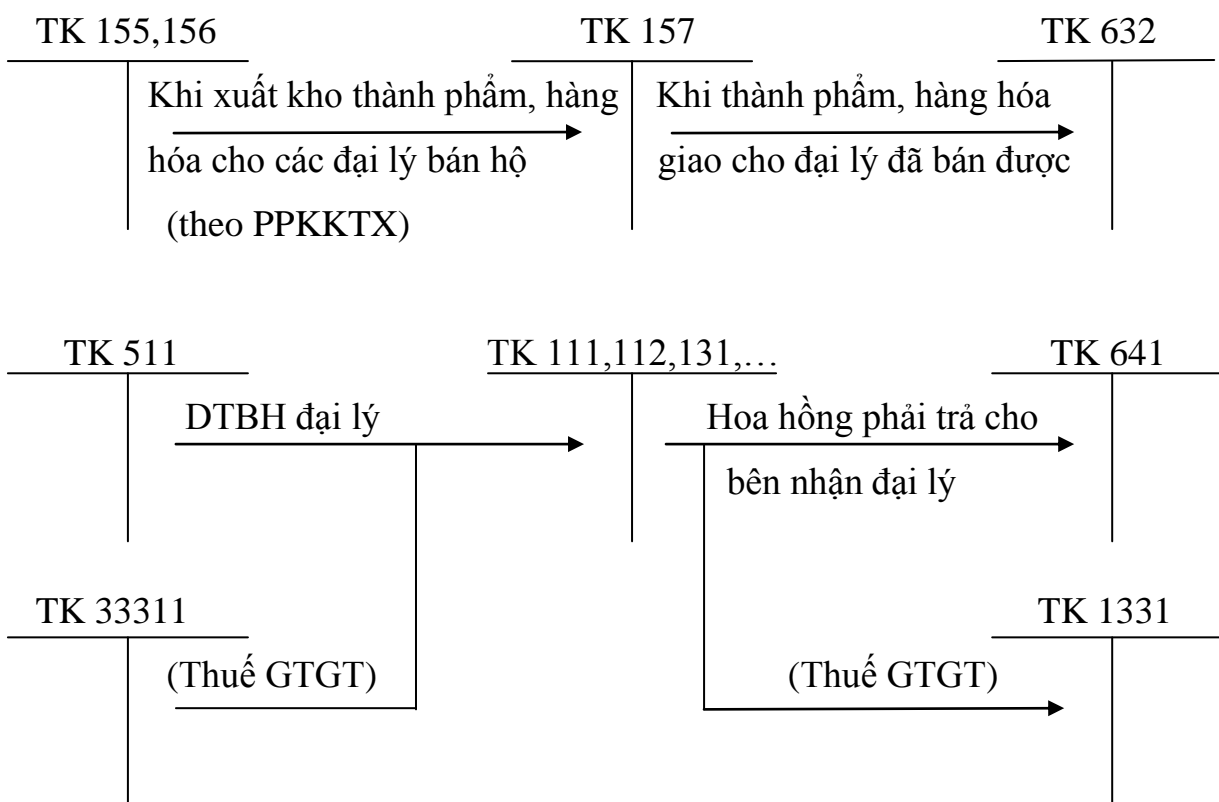
❖ TH 2: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

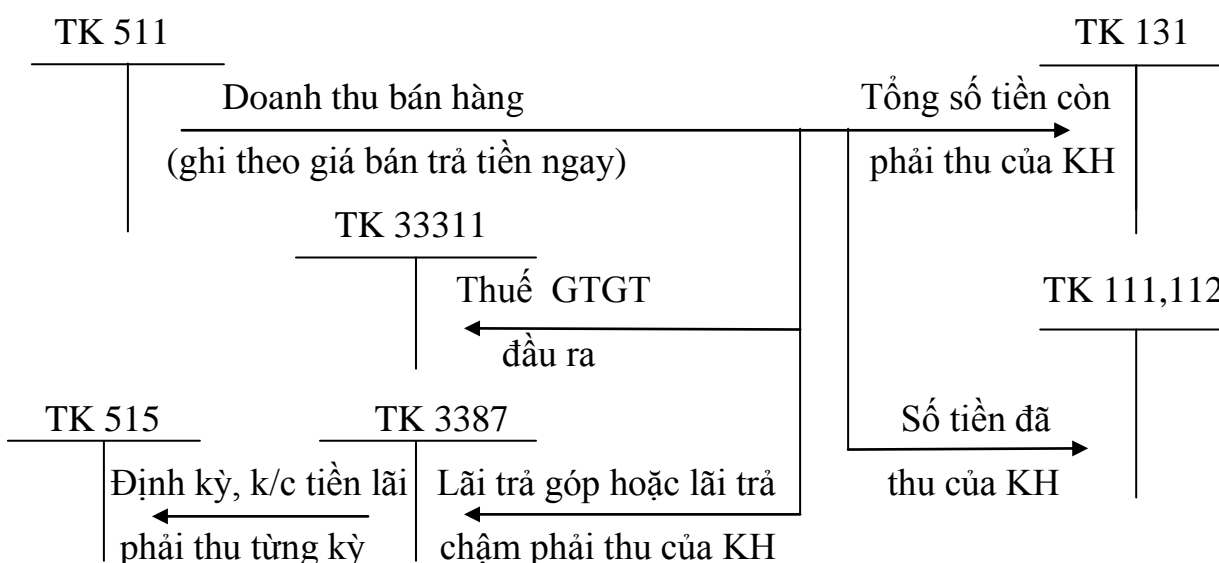
Sơ đồ 1.3.1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



❖ TH 3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

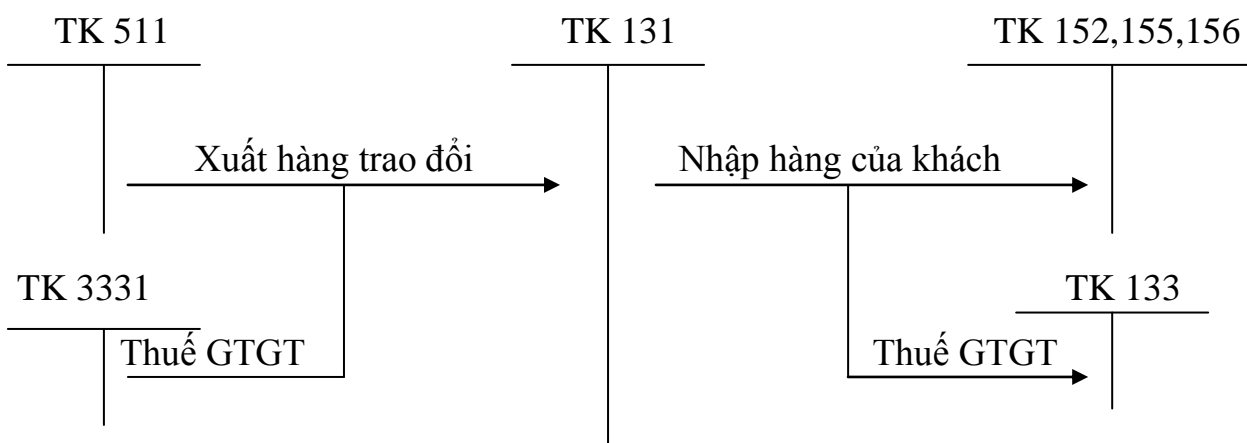
Sơ đồ 1.3.1.3: Hạch toán DT bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



❖ **TH 4: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

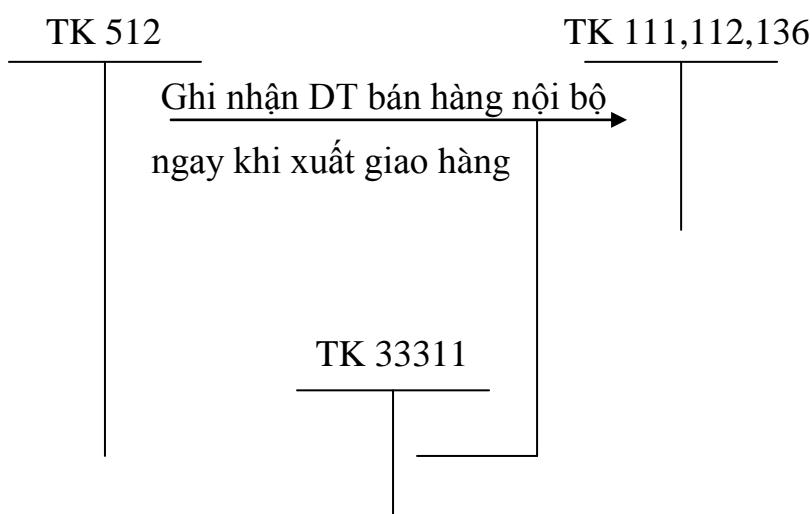
Sơ đồ 1.3.1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



❖ **TH 5: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

Sơ đồ 1.3.1.5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được kế toán phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản phù hợp để lập báo cáo tài chính.

1.3.2.1. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

TK 521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

❖ Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo.

Chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trong hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641.

❖ Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ

cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chi phản ánh vào TK này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán mất, kém phẩm chất...

❖ Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

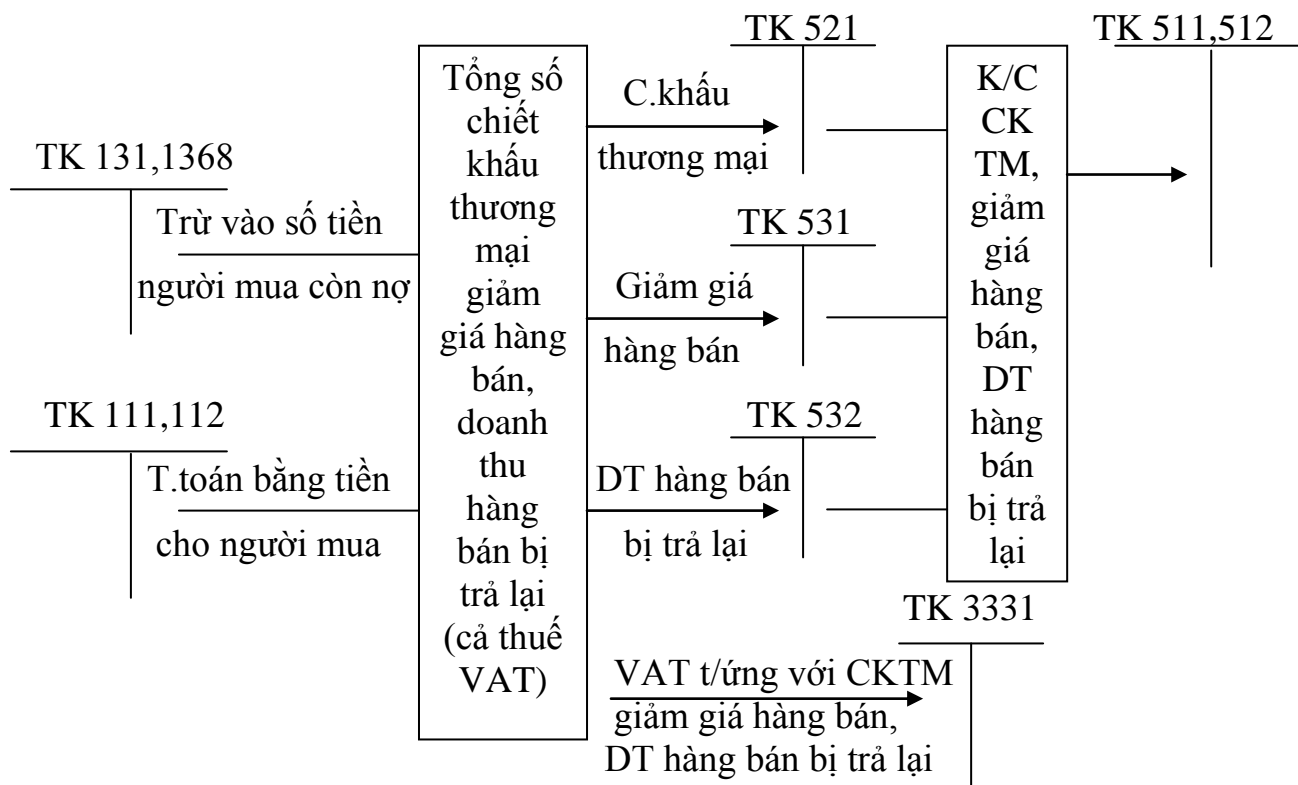
Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp: sử dụng TK 3331
- Thuế TTĐB: sử dụng TK 3332
- Thuế xuất khẩu: sử dụng TK 3333

1.3.2.2. Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

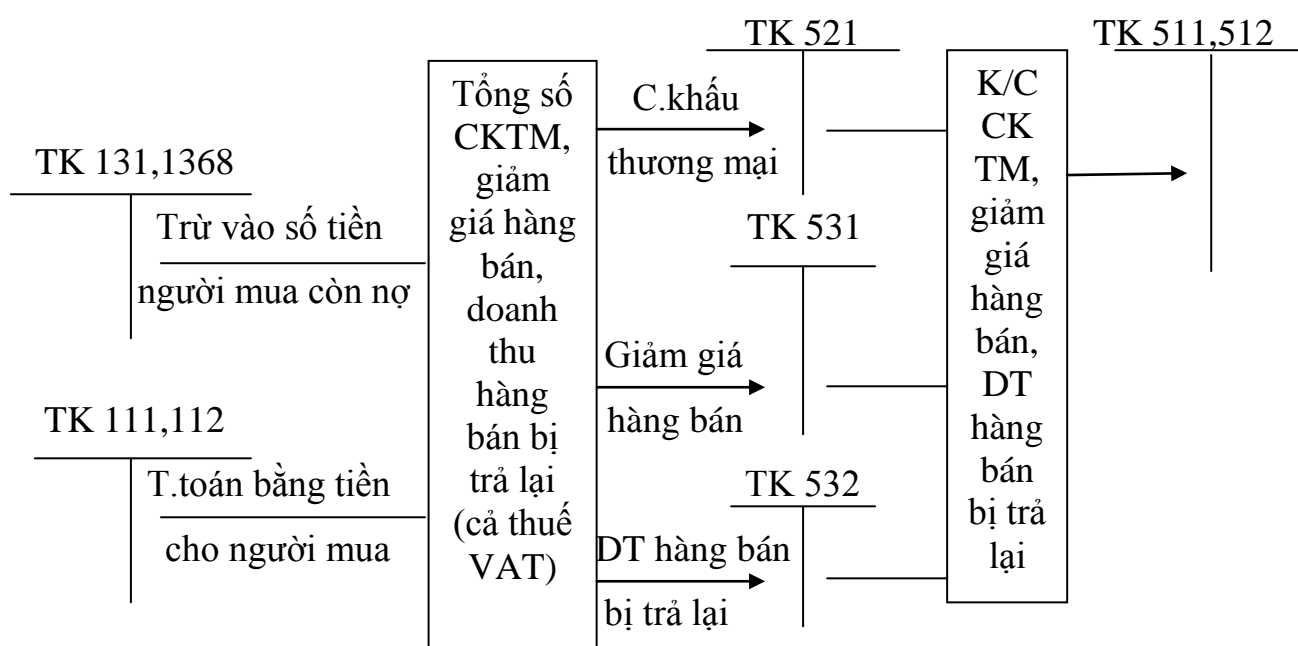
Sơ đồ 1.3.2.1: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

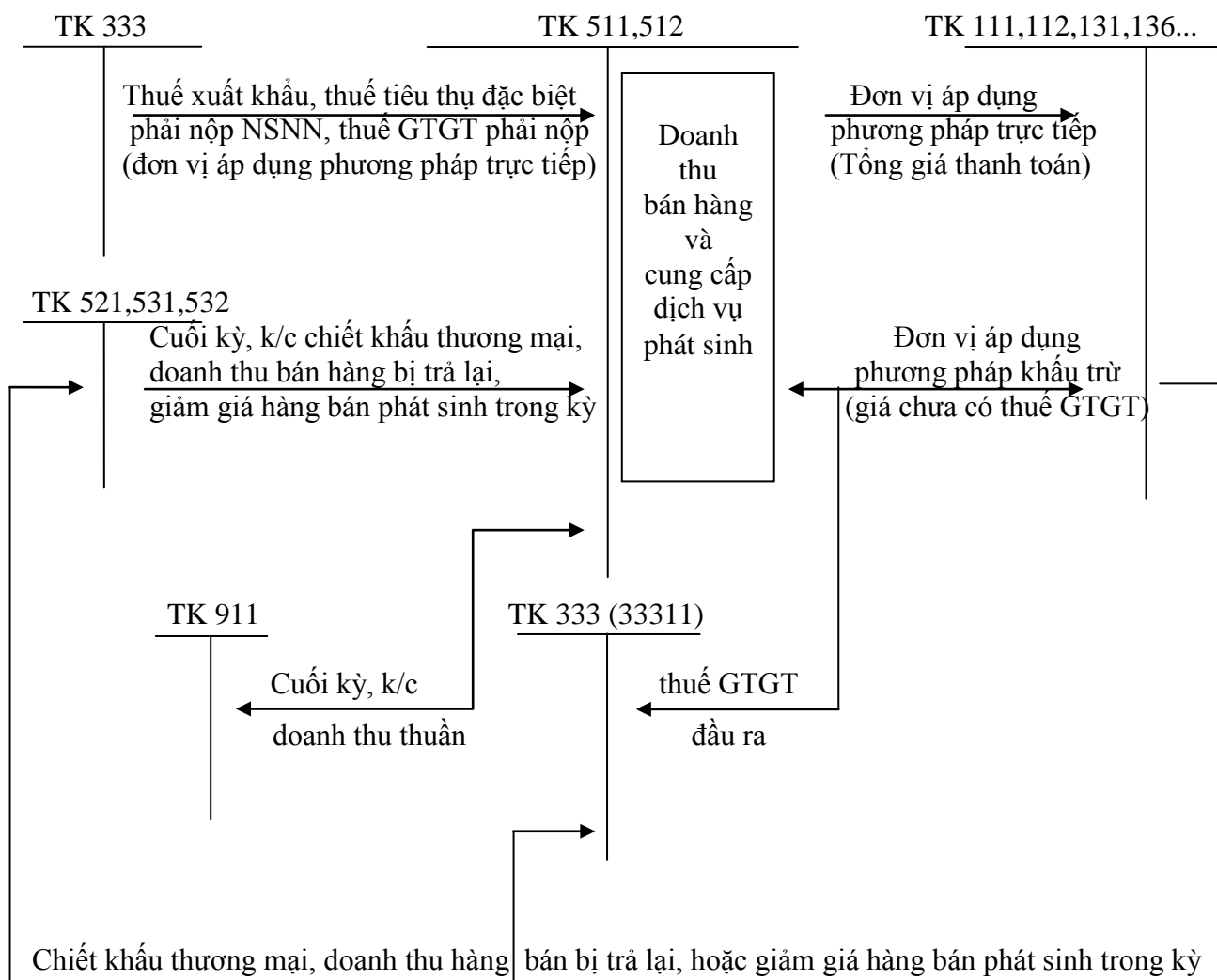


Sơ đồ 1.3.2.2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



Sơ đồ 1.3.2.3: Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu



Doanh thu thuần được xác định:

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} - \text{Doanh thu hàng giảm giá} - \text{Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)}$$

1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.3.1. Các phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo Chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho, ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001, việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

❖ Phương pháp tính theo giá đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

❖ Phương pháp nhập trước - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần

nhập sau cùng.

❖ Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

1.3.3.2. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

1.3.3.2.1. Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02 GTTT – 3LL)

1.3.3.2.2. Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 155, 156, 632
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.3.3.2.3. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau:

❖ TK 155 – Thành phẩm

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

❖ TK 156 – Hàng hóa

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2

TK 1561 – Giá mua hàng hóa

TK 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa

TK 1567 – Hàng hóa bất động sản

❖ **TK 157 – Hàng gửi đi bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyển cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

❖ **TK 611 – Mua hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2

TK 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

❖ **TK 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Ngoài ra, TK này còn phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

1.3.3.3. Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KCTX)

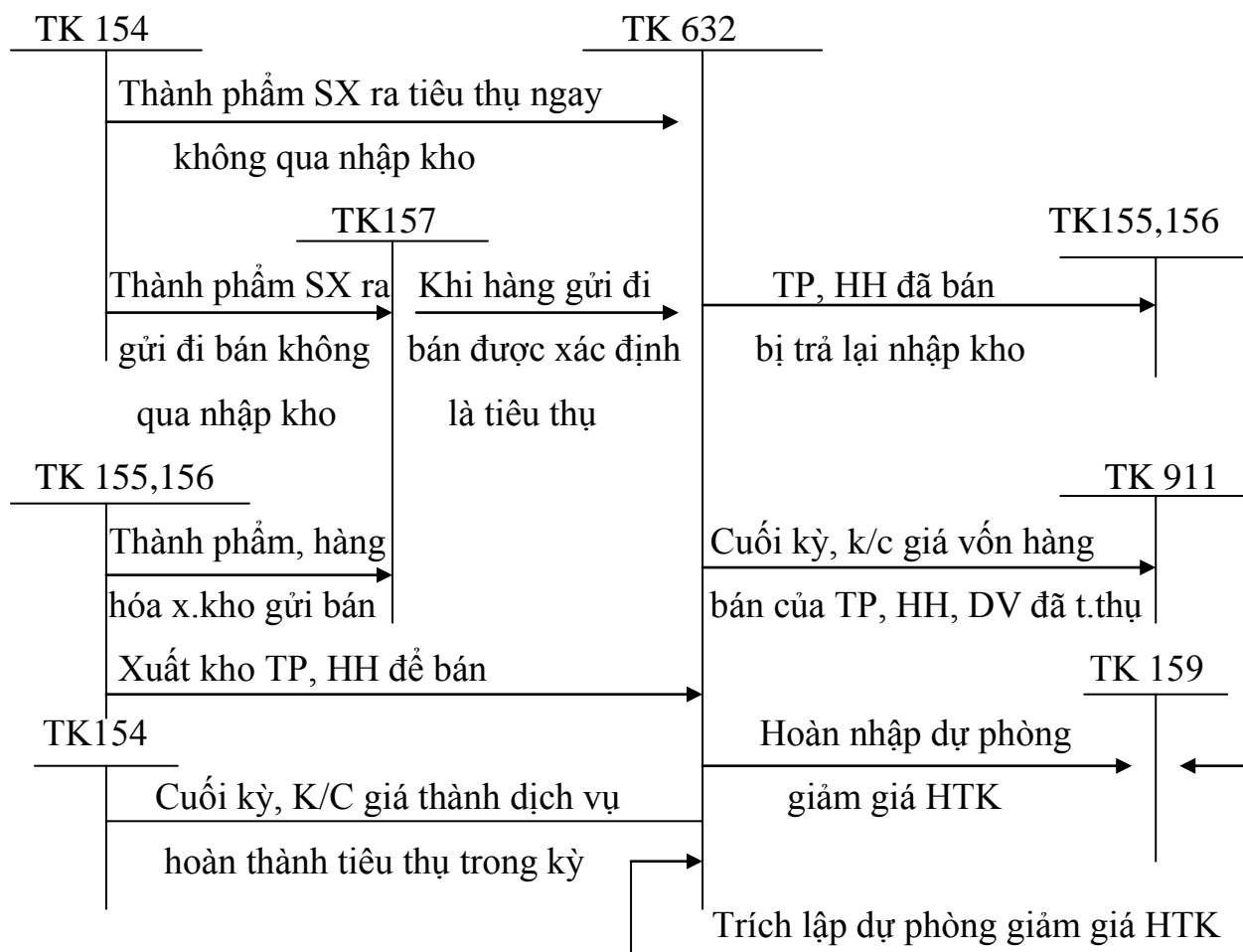
Phương pháp KCTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ trực tiếp vào các chứng

từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.3.3.1: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



1.3.3.4. Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá

vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

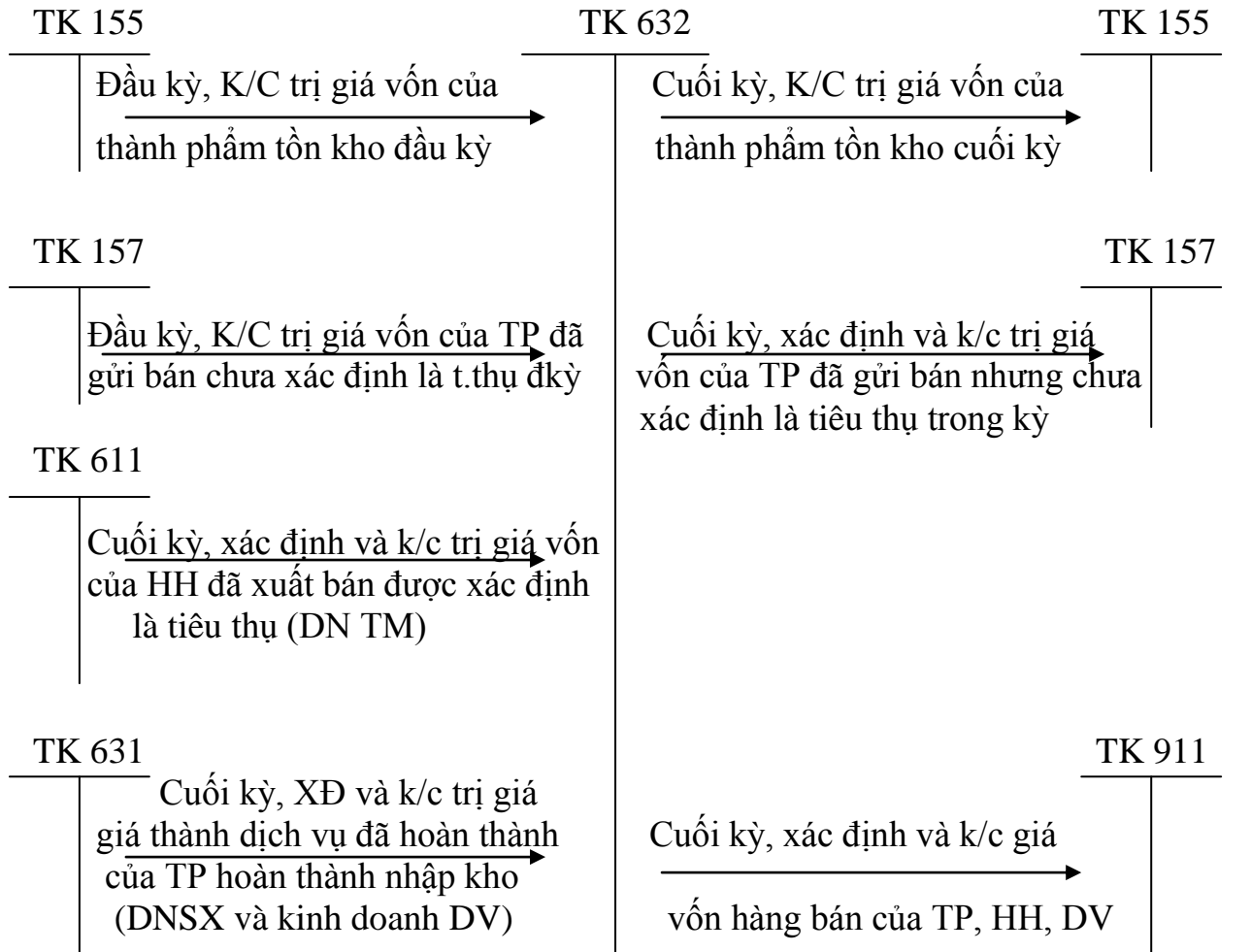
$$\begin{matrix} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & + & \text{tồn cuối kỳ} \end{matrix}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

$$\begin{matrix} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá vốn} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{vốn của} & & \text{thực tế} & & \text{của HH gửi} & & \text{thực tế} & & \text{vốn thực} & & \text{tế của HH gửi} \\ \text{hàng} & = & \text{của HH} & + & \text{bán chưa xác} & + & \text{của HH} & - & \text{tế của HH} & - & \text{bán chưa xác} \\ \text{bán} & & \text{tồn kho} & & \text{định tiêu thụ} & & \text{nhập kho} & & \text{tồn kho} & & \text{định là tiêu} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} & & \text{thụ cuối kỳ} \end{matrix}$$

Khác với phương pháp KCTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 611 và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối các kỳ kế toán. Các nghiệp vụ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3.3.2: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

1.3.4.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ

1.3.4.1.2. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 641, 642
- Sổ cái tài khoản 641, 642
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.3.4.1.3. Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

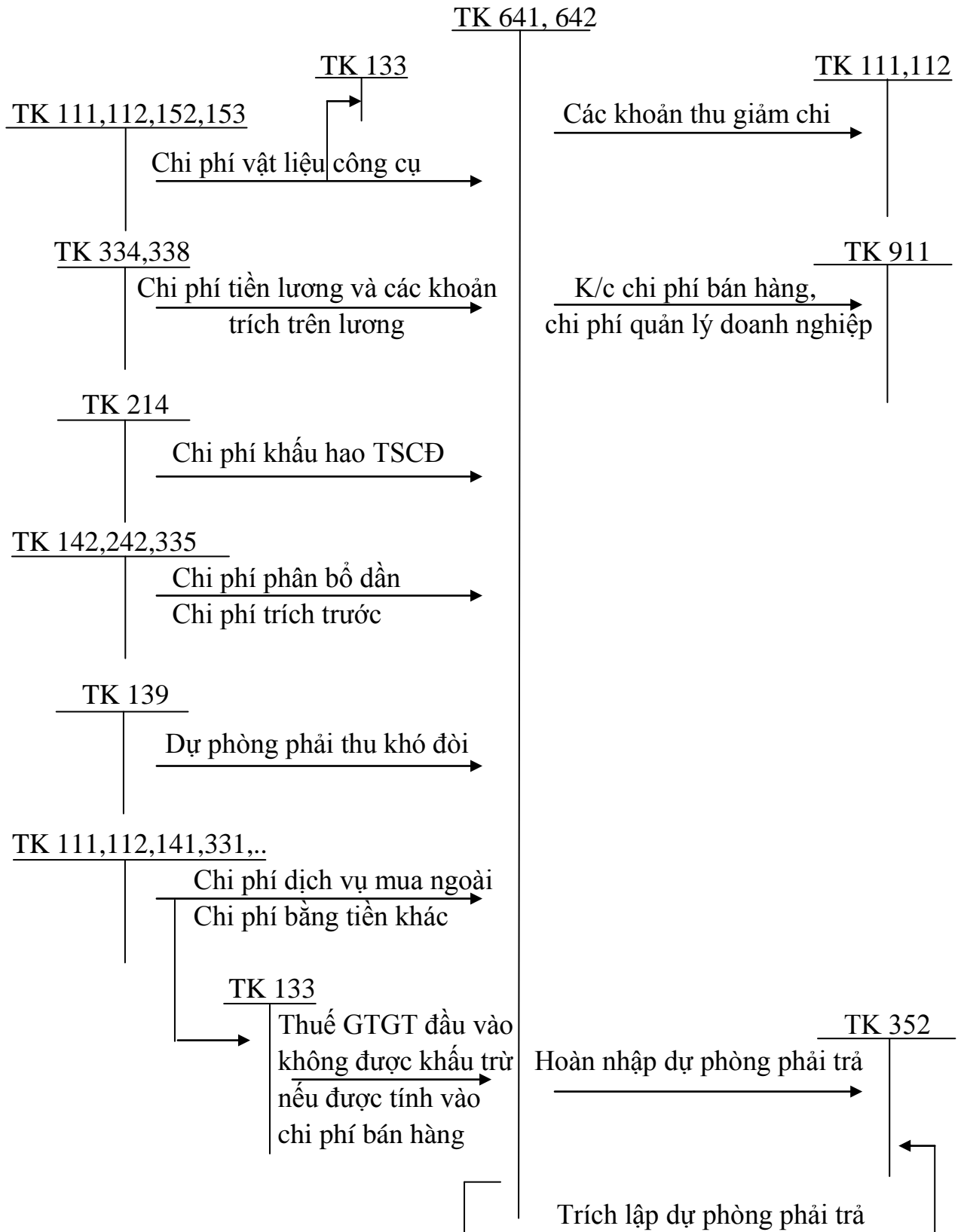
Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

1.3.4.2. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 1.3.4: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.3.5.1. Các sổ sách và tài khoản sử dụng

1.3.5.1.1. Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 515, 635
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.3.5.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

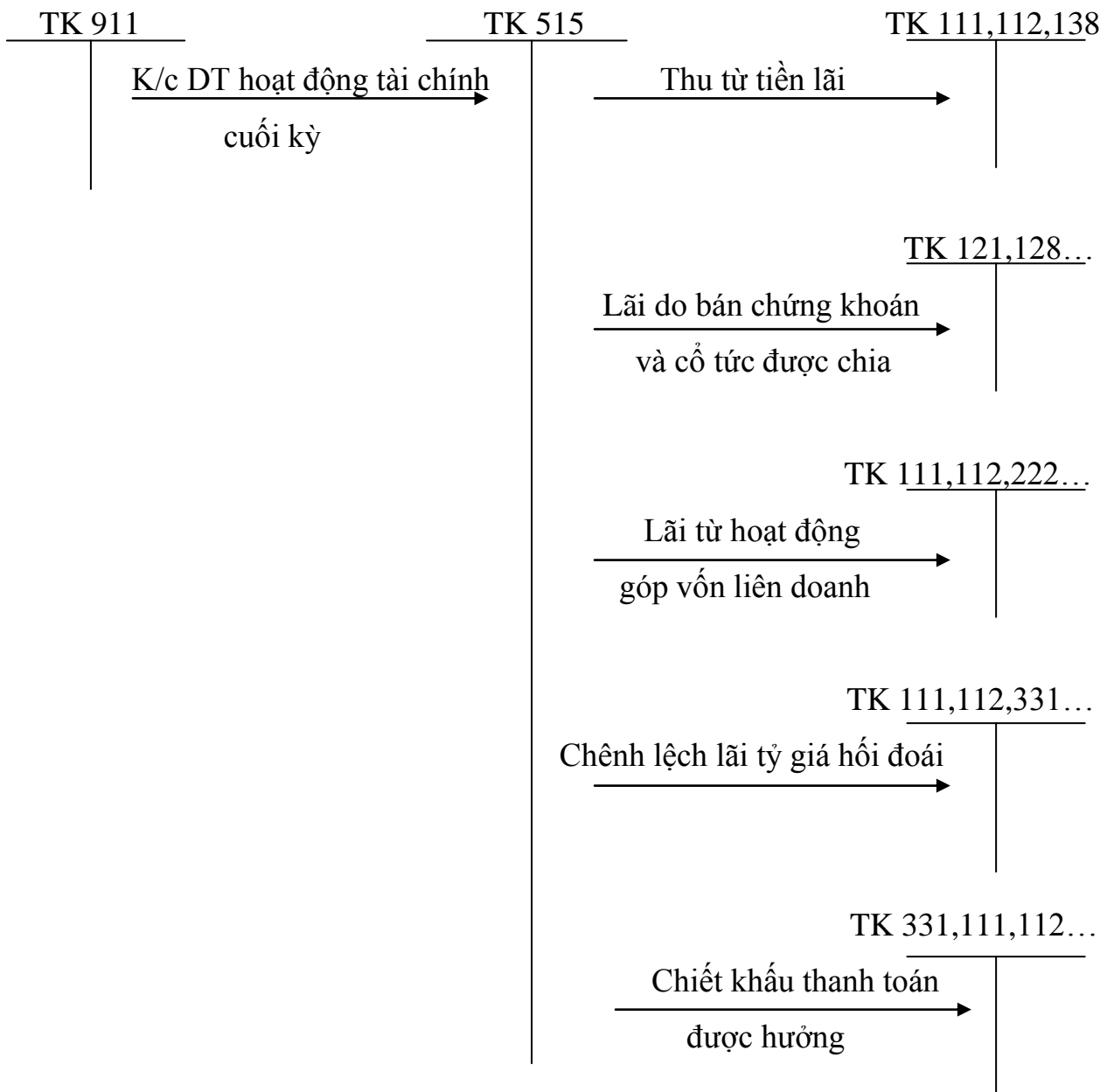
Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

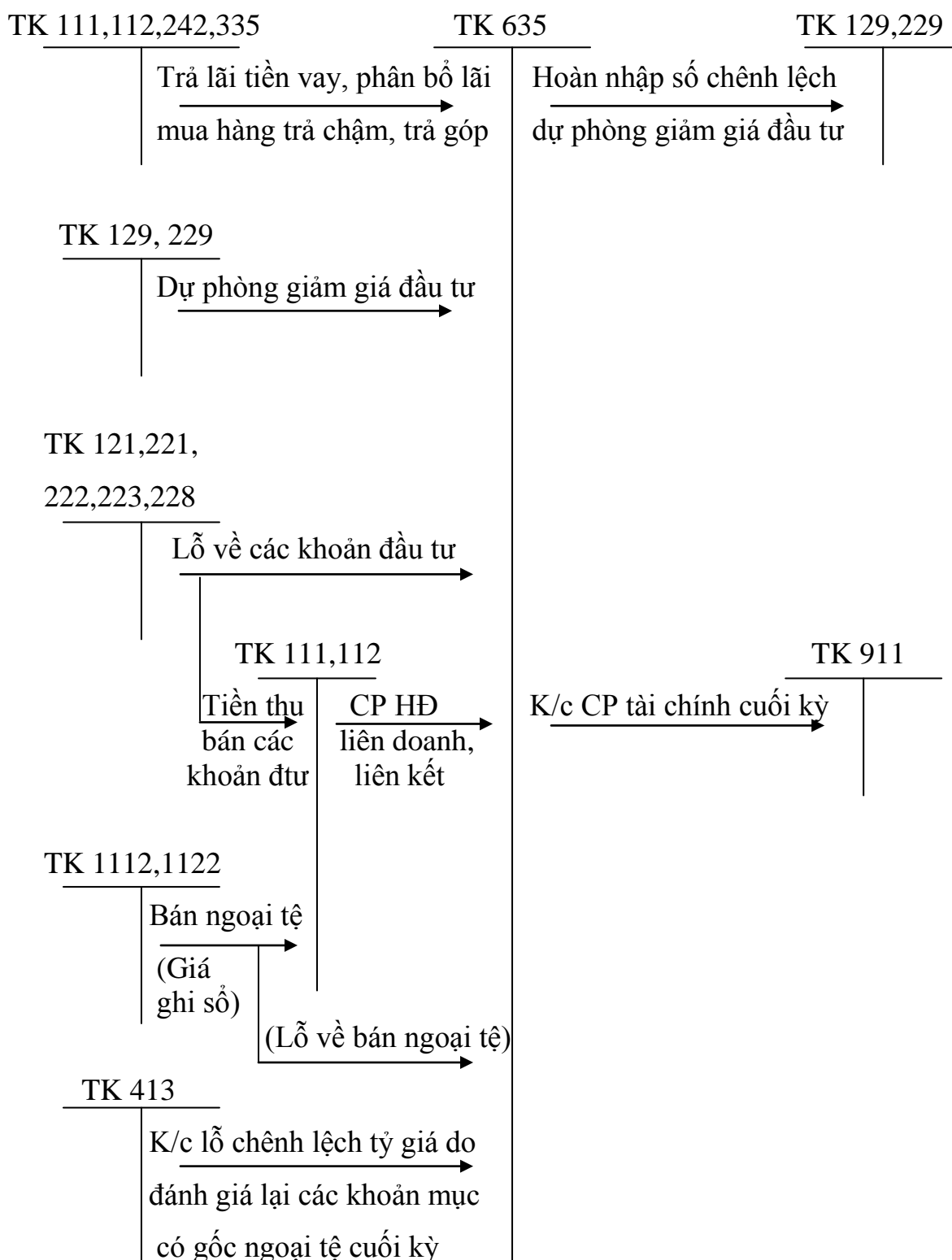
- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí kinh doanh bất động sản.
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác.
- Chi phí tài chính khác.

1.3.5.2. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Sơ đồ 1.3.5.1: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.3.5.2: Hạch toán chi phí tài chính



1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.3.6.1. Các sổ sách và tài khoản sử dụng

1.3.6.1.1. Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 711, 811
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.3.6.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

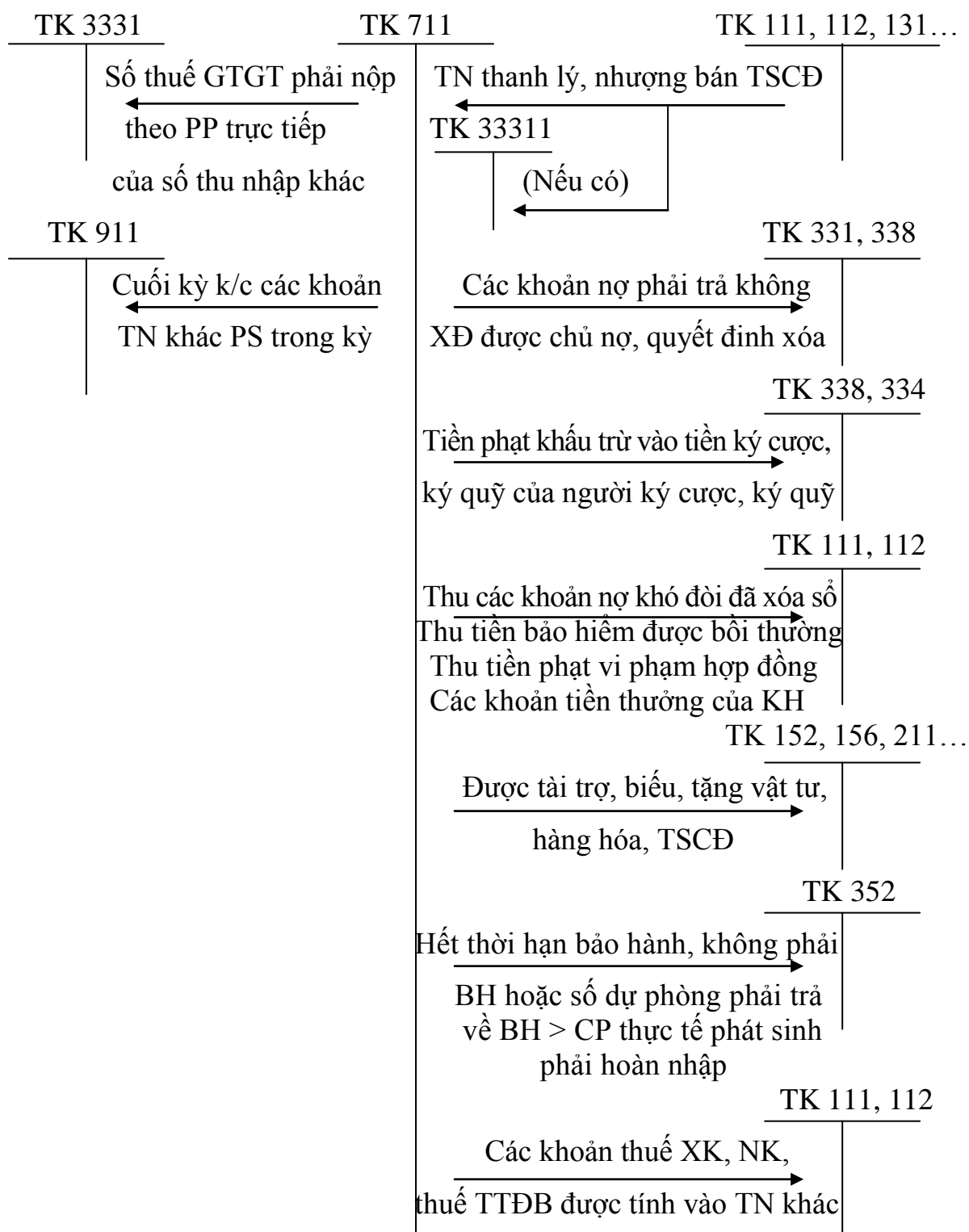
Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

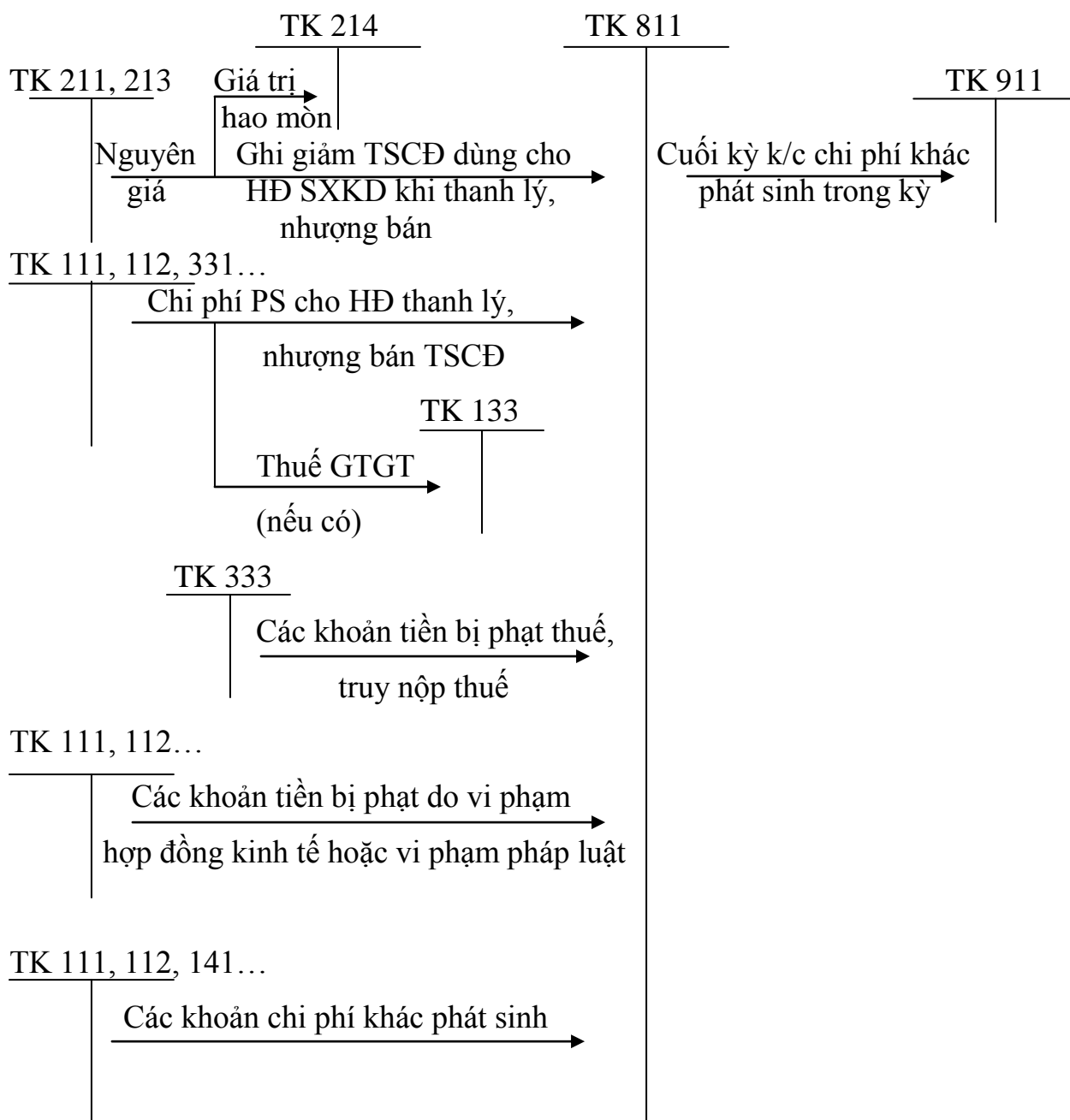
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

1.3.6.2. Phương pháp hạch toán doanh thu khác và chi phí khác

Sơ đồ 1.3.6.1: Hạch toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.3.6.2: Hạch toán chi phí khác



1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh. Kết quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, khẳng định vị thế của mình trên thương trường. Kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ làm cho hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

1.3.7.1. Các sổ sách và tài khoản sử dụng

1.3.7.1.1. Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511, 512, 515, 632, 641, 642, 711, 811, 821, 911, 421...
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.3.7.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

TK này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Kết quả} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{sản xuất, kinh doanh} & + & \text{tài chính} & + & \text{hoạt động khác} \end{array}$$

1.3.7.2. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**.

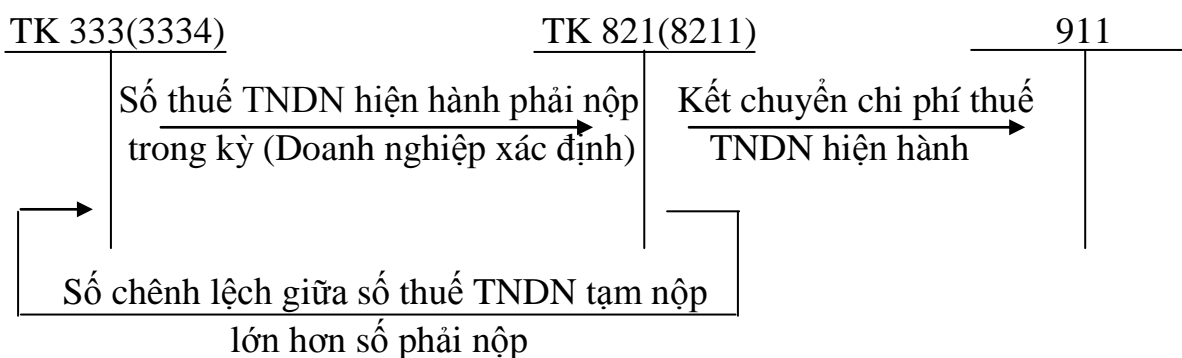
Tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập} & & \text{DT để tính} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế trong} & = & \text{thu nhập chịu thuế} & - & \text{trong năm} & + & \text{chịu thuế khác} \\ \text{năm tính thuế} & & \text{trong năm tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{trong năm tính thuế} \end{array}$$

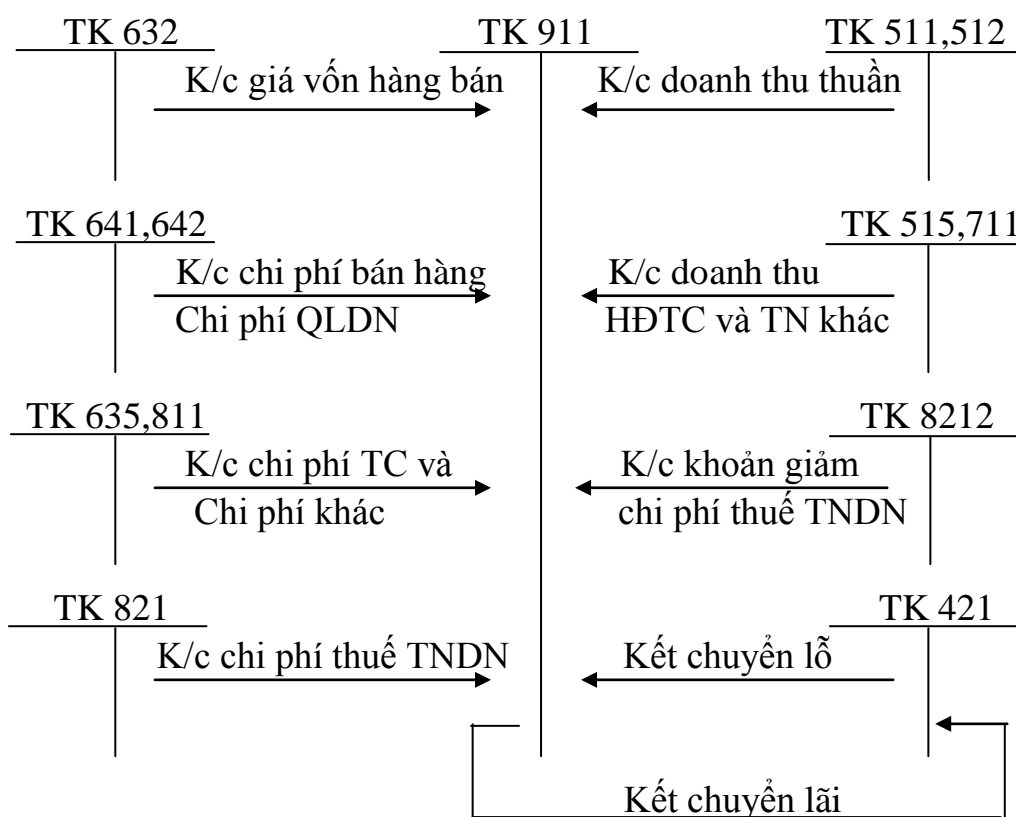
$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{thuế thu nhập} \\
 \text{doanh nghiệp}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Thu nhập} \\
 \text{chịu thuế}
 \end{array}
 *
 \begin{array}{l}
 \text{Thuế suất} \\
 \text{thuế thu nhập} \\
 \text{doanh nghiệp}
 \end{array}$$

Sơ đồ 1.3.7.1: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

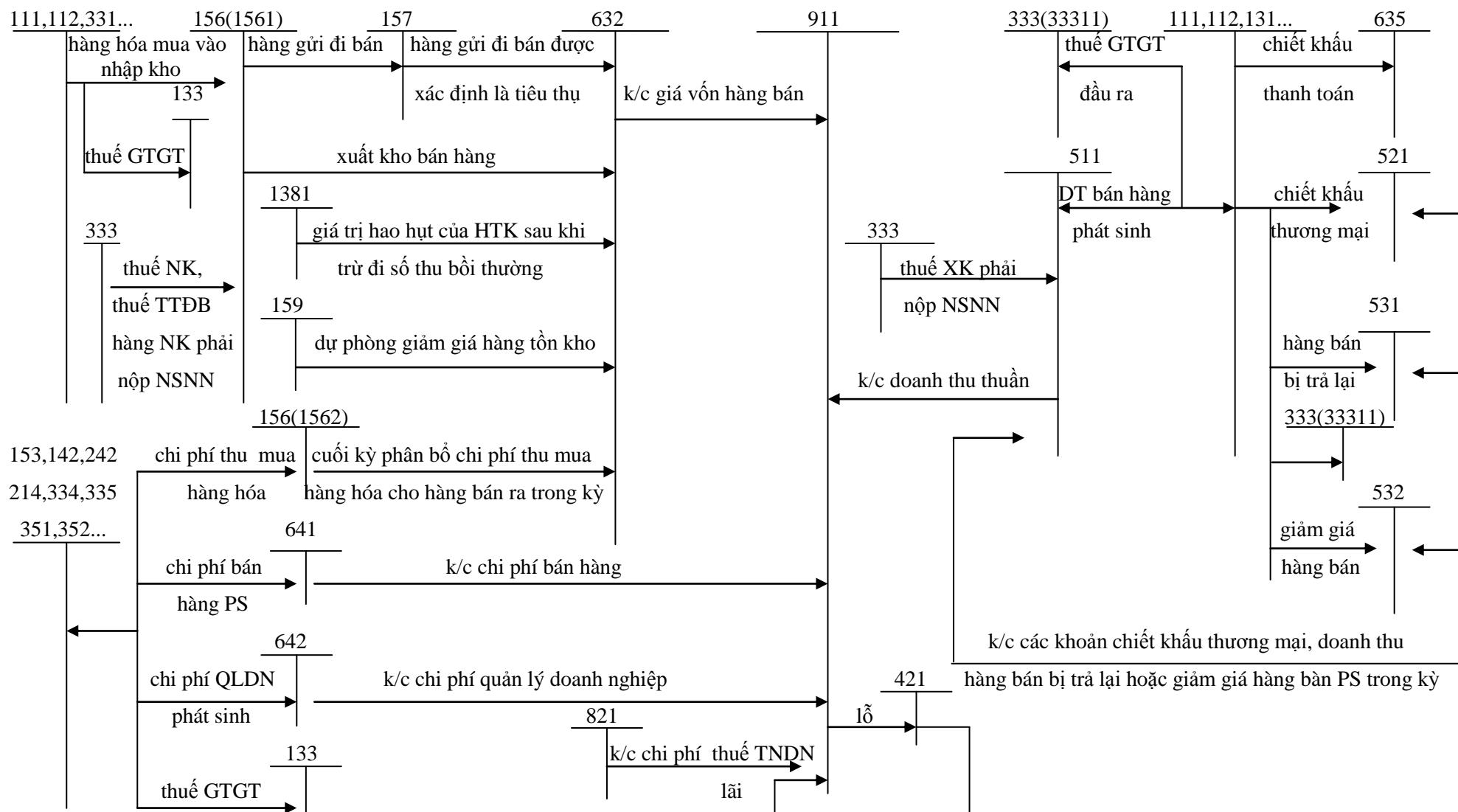


1.3.7.3. Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ 1.3.7.2: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ 1.3.7.3: Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

2.1.1. Giới thiệu chung về quá trình hình thành và phát triển của Công ty

❖ Giới thiệu công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ**

Tên tiếng Anh: Produce and Trading Metal Joint Stock Company

Tên giao dịch: Produce and Trading Metal Joint Stock Company

Tên viết tắt: Pframesco

Trụ sở chính: Số 6 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: (031) 382 6832 Fax: (031) 383 6425

E-mail: pframesco@hn.vnn.vn

Website: www.pframesco.com.vn

Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

❖ Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề đăng ký và các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

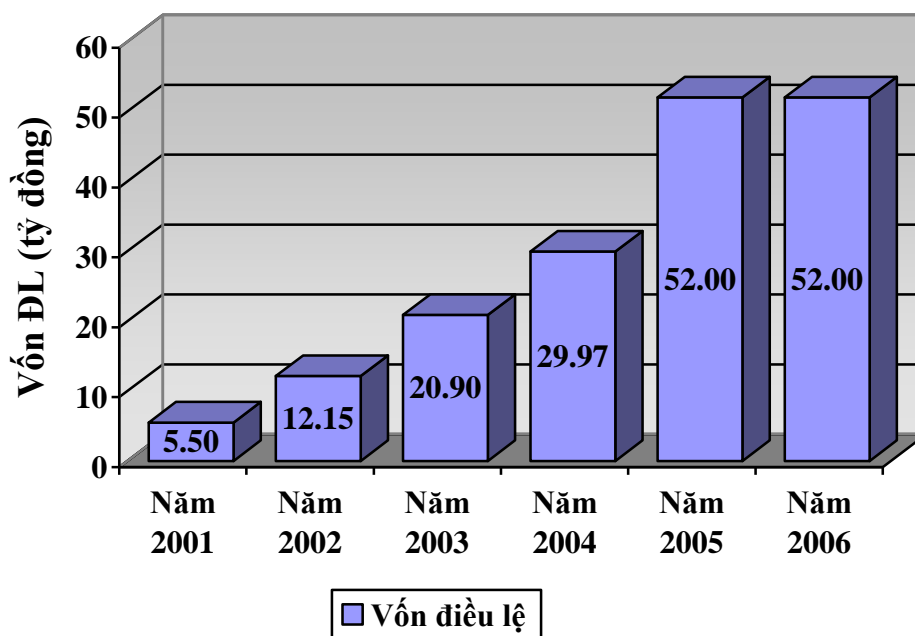
❖ Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí được Đại hội đồng cổ đông thành lập vào ngày 27/12/2000 với số vốn điều lệ ban đầu 5.500.000.000 đồng, trên cơ sở Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và xếp dỡ vật tư (Xí nghiệp 4) - đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty kim khí Hải Phòng, doanh nghiệp thành viên độc lập của

Tổng công ty thép Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở bán toàn bộ giá trị hiện có thuộc phần vốn nhà nước tại Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và xếp dỡ vật tư, kết hợp với phát hành thêm cổ phiếu thu hút thêm vốn để chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 72/2000/QĐ-BCN ngày 18/12/2000 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 02/01/2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty cũng đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 25/06/2001, ngày 13/05/2002, ngày 14/04/2003, ngày 04/03/2004, ngày 06/10/2004, ngày 12/04/2005 và ngày 11/10/2006 cho các thay đổi về bổ sung ngành nghề và tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ của Công ty từ năm 2006 đến nay là 52.000.000.000 đồng, hiện nay được chia thành 5.200.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần mệnh giá 10.000 đồng.

Biểu số 2.2.1:

Biểu đồ tăng trưởng vốn điều lệ Ptramesco giai đoạn 2001-2006



2.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh và sản phẩm của Công ty

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu hàng hoá, thiết bị phụ tùng và các sản phẩm kim khí; Kinh doanh và chế tạo thiết bị nâng hạ, sản xuất và kinh doanh thép các loại;
- Dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, cho thuê văn phòng, kho bãi; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng nông - lâm - thủy hải sản, vật liệu xây dựng, sắt thép phế liệu, thiết bị điện - điện tử, thiết bị buro chính viễn thông;
- Vận tải và đại lý vận tải hàng hoá thuỷ bộ; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá và phá dỡ tàu cũ; Sản xuất và kinh doanh khí công nghiệp.

❖ **Các sản phẩm của Công ty:**

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là các sản phẩm thép, được phân loại cụ thể như sau:

• **Thép chính phẩm:**

Bao gồm các loại thép tấm, thép lá, thép cuộn, thép hình H, U, I, cọc ván thép và thép ống đạt tiêu chuẩn, chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài như Nga, Kazakhstan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,... Các sản phẩm này chủ yếu phục vụ cho việc gia công cơ khí, đóng tàu, khung kèo cột bằng thép trong các dự án, công trình xây dựng công nghiệp lớn, làm cầu, làm đường, chế tạo máy móc,...

• **Thép phế liệu:**

Bao gồm các loại sắt thép phế liệu nhập khẩu và thu mua trong nước. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu được nhập về từ rất nhiều nước khác nhau như: Mỹ, Canada, các nước thuộc khu vực Châu Phi,... Nguồn thu mua trong nước bao gồm vật tư cắt phá tàu, thiết bị cũ, các vật tư dư thừa. Mặt hàng này được bán cho Nhà máy sản xuất phôi thép của Công ty thép Đình Vũ.

• **Thép lưới:**

Thép lưới giập dẫn là sản phẩm thế mạnh do Công ty sản xuất, đã khẳng định được chỗ đứng trên thị trường với tính năng và ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm cùng loại và từng đạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2004. Mặt hàng thép lưới được sản xuất tại chi nhánh Bến Kiền, địa điểm sản xuất chính của Công ty.

Sản phẩm này chủ yếu được phục vụ cho các công trình công nghiệp và gia dụng như: làm giải phân cách trên các đường quốc lộ, vách ngăn trong các nhà máy, xí nghiệp, dải nền đi lại, lan can,... vừa có tính thẩm mỹ đồng thời có độ bền rất cao.

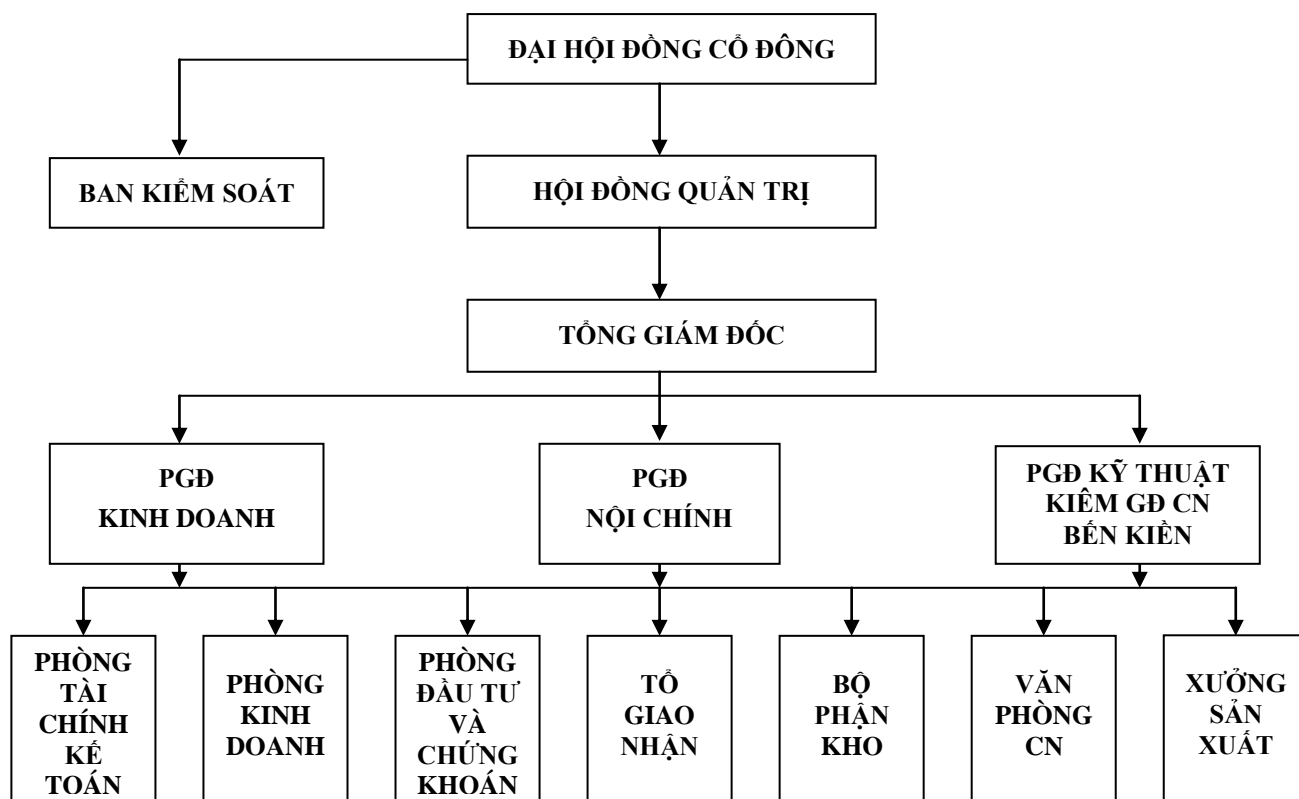
Mặt hàng lưới thép của Công ty đã có mặt trên các công trình lớn như đường Bắc Thăng Long - Nội Bài (Hà Nội), đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Cầu vượt Lạch Tray (Hải Phòng),...

• Thép tấm, thép lá sai quy cách:

Bao gồm thép tấm, thép lá, thép cuộn,... không đúng quy chuẩn, sai quy cách được nhập khẩu từ nước ngoài như Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,.... chủ yếu phục vụ cho các nhà sản xuất, gia công thép; các nhà máy thép ống, thép định hình, sản xuất khung nhà kho; các cơ sở đóng tàu, sửa chữa tàu...

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2.1.3: Mô hình cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Pframesco



Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm các cổ đông có cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông.

- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.

- Quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm.

- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

2. Hội đồng quản trị:

- Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.

- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại, quyết định thêm vốn theo hình thức khác.

- Quyết định phương án phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và các cán bộ quan trọng khác của Công ty.

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp cổ phần của các doanh nghiệp khác.

- Trình báo cáo quyết toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

3. Ban kiểm soát:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

4. Tổng Giám đốc:

- Tổ chức và thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
 - Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
- Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty.

5. Phó Giám đốc kinh doanh:

- Phụ trách công tác kinh doanh, xuất nhập hàng hóa của Công ty.
- Phụ trách nhân lực và điều vận xe, cần trục phục vụ việc xếp dỡ hàng hóa của Công ty và dịch vụ xếp dỡ hàng hóa cho khách hàng.
- Phụ trách khai thác hàng hóa và bán hàng.
- Phụ trách quản lý điều hành tổ bốc xếp của Công ty.

6. Phó Giám đốc nội chính:

- Phụ trách công tác nội chính, tổ chức hành chính lao động tiền lương, công tác quân chúng, công tác phong trào, thi đua khen thưởng.

- Theo dõi chi phí, doanh thu xe tải và cần trục.

- Phụ trách công tác bảo vệ cùng nhân lực của tổ bảo vệ.

7. Phó Giám đốc kỹ thuật kiêm Giám đốc Chi nhánh Bến Kiền:

- Chỉ đạo công tác kỹ thuật đối với các thiết bị, phương tiện trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh.

- Quản lý mở sổ sách, hồ sơ theo dõi kỹ thuật các phương tiện, thiết bị, máy móc và trang thiết bị kỹ thuật.

- Đảm bảo công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và phòng chống bão lụt của Công ty.

- Phụ trách quá trình kinh doanh tại Chi nhánh.

- Quản lý hàng hóa nhập và xuất khỏi Chi nhánh.

8. Phòng kinh doanh:

- Cùng với Phó Giám đốc kinh doanh giúp Tổng Giám đốc Công ty trong việc kinh doanh khai thác, buôn bán hàng hóa và các dịch vụ khác.

- Thường xuyên nghiên cứu, sưu tầm các thông tin liên quan đến giá cả thị trường, nguồn hàng và khai thác các khách hàng.

- Cử cán bộ trực tiếp theo dõi lượng hàng hóa mua vào, bán ra cũng như tồn kho trên cơ sở đó đánh giá tiềm năng hay hạn chế của từng mặt hàng để báo cáo Tổng Giám đốc 10 ngày một lần.

9. Phòng đầu tư và chứng khoán:

- Triển khai các dự án đầu tư của Công ty từ khi lập dự án, hoàn thiện hồ sơ dự án để trình Hội đồng quản trị Công ty, các tổ chức tín dụng, ngân hàng và các cơ quan liên quan.

- Triển khai và thực hiện các nghiệp vụ về đầu tư tài chính gồm đầu tư ngắn hạn, dài hạn và đầu tư chứng khoán.

- Triển khai và thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn gồm: vay ngắn hạn, dài hạn, phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu.

- Chịu trách nhiệm phổ biến và hướng dẫn các phòng ban nghiệp vụ thực hiện đúng và đủ mọi yêu cầu theo quy định của luật chứng khoán.
- Chịu trách nhiệm về cung cấp và công bố thông tin theo yêu cầu của Luật chứng khoán.
- Thường xuyên cung cấp thông tin về mặt chứng khoán của Công ty, theo dõi cổ đông và trả lời các yêu cầu của cổ đông theo quy định của pháp luật.

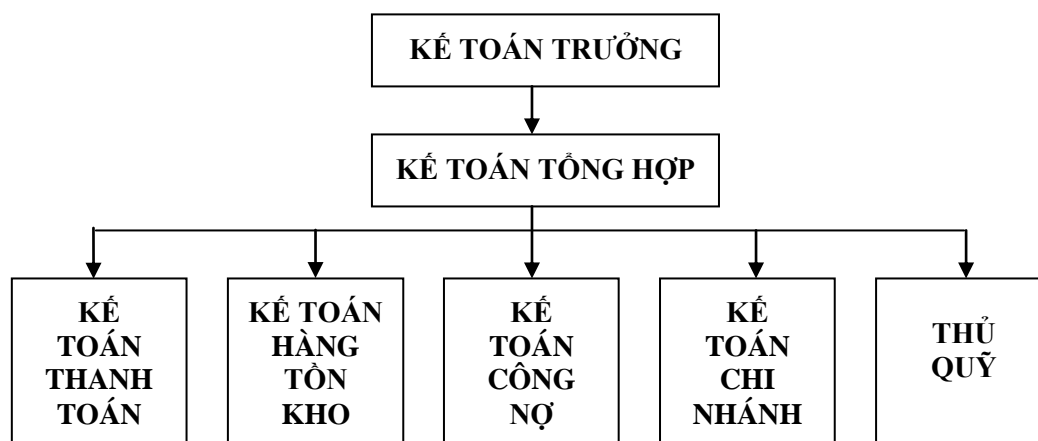
10. Phòng Tài chính – Kế toán:

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của Công ty.
- Trưởng phòng tài chính kế toán phải tổ chức bộ máy chuyên môn nghiệp vụ đủ năng lực đáp ứng nhu cầu quản lý tài chính và yêu cầu cung cấp thông tin nhanh của Tổng Giám đốc Công ty mọi lúc mọi nơi.
- Quản lý các nguồn tài chính của Công ty, tổ chức huy động và sử dụng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở các phương án kinh doanh có hiệu quả kinh tế.
- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của Công ty phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty với bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, làm việc có hiệu quả.
- Tổ chức ghi chép và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản; tính toán và trích nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả, cổ tức...
- Lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán, tờ khai thuế GTGT, báo cáo quyết toán của Công ty và cung cấp thông tin theo chế độ quy định.
- Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong Công ty một cách thường xuyên nhằm đánh giá đúng đắn tình hình, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty

2.1.4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Sơ đồ 2.1.4.1: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



Cụ thể:

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng GD công ty về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng Tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán tại công ty. Lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, chỉ đạo việc ghi chép sổ sách cho kế toán tổng hợp, kế toán viên, kế toán công nợ, kế toán chi nhánh, thủ quỹ.

- Kế toán tổng hợp: Thực hiện các phần hành kế toán, lên sổ cái, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, hạch toán tiêu thụ, theo dõi thuế và các khoản nộp Nhà nước. Lập danh mục và theo dõi phân bổ TSCĐ, CCDC. Kiểm tra đối chiếu số liệu của các bộ phận kế toán khác chuyển sang, thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ, lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán.

- Kế toán thanh toán: Theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng chuyển khoản, lập và trình với Ngân hàng các hồ sơ vay vốn, thường xuyên cập nhật số dư tiền gửi, tiền vay, hạn mức vay, hàng tháng tập hợp chứng từ tiền gửi Ngân hàng, tính lãi vay. Đồng thời, hàng ngày tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, lập phiếu thu sau khi có ý kiến duyệt chi của Giám đốc và kế toán trưởng.

- Kế toán hàng tồn kho: Kế toán hàng tồn kho chịu trách nhiệm theo dõi hàng tồn kho, lập và quản lý chứng từ liên quan về hàng tồn kho, theo dõi về chi phí sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm.

- Kế toán công nợ: Hàng ngày ghi Hoá đơn GTGT và vào sổ công nợ.

- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm về các khoản thu chi tiền mặt, phải có chứng từ hợp lệ chứng minh, chứng từ phải có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và Kế toán trưởng.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty

Hệ thống kế toán Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh kim khí sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm.

Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong ghi chép kế toán.

Phương pháp khấu hao: theo phương pháp đường thẳng.

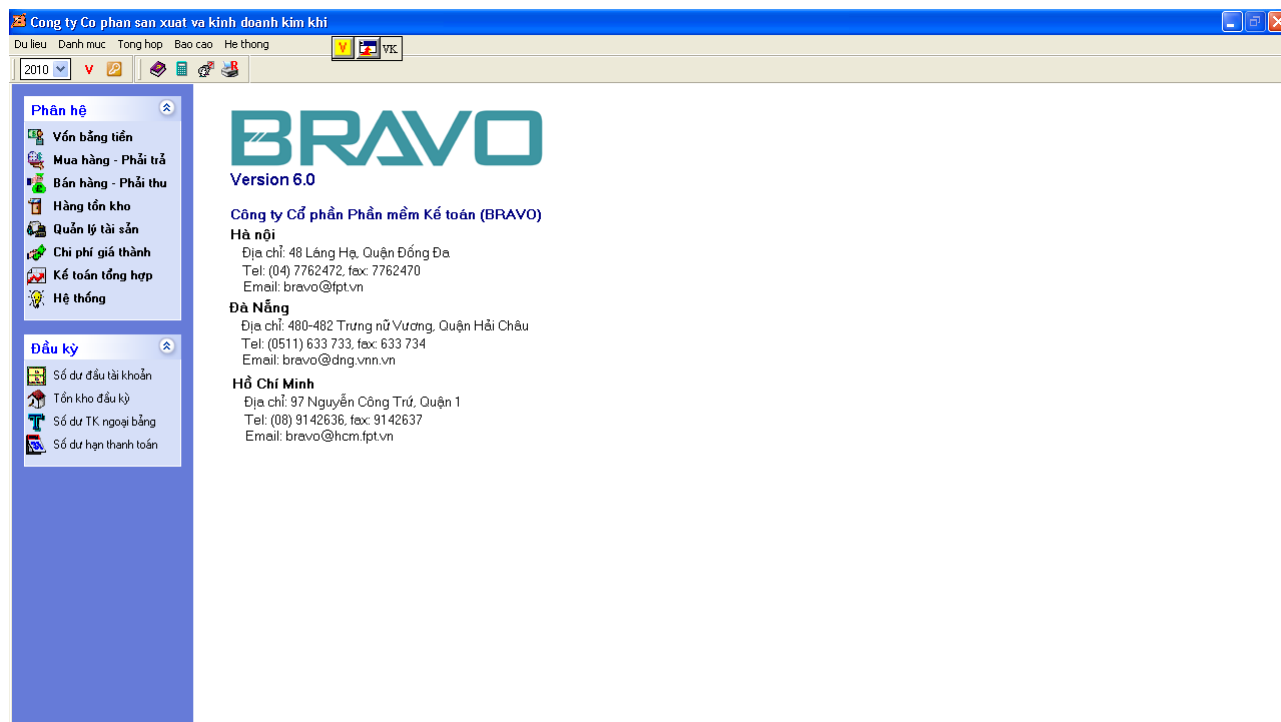
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí áp dụng hình thức **kế toán trên máy vi tính** dựa trên phần mềm kế toán BRAVO 6.0.

Đối với hạch toán trên máy vi tính, quan trọng nhất là khâu thu thập, phân loại chứng từ, nhập dữ liệu và định khoản kế toán. Đây là khâu đầu tiên của quy trình hạch toán trên máy vi tính và cũng là khâu quan trọng nhất vì kế toán chỉ nhập dữ liệu vào máy thật đầy đủ và chính xác, còn các thông tin đầu ra như Sổ chi tiết, Sổ cái và các Báo cáo kế toán đều do máy tự động xử lý thông tin, tính toán và đưa ra các sổ sách, bảng biểu cần thiết.

Từ màn hình máy tính kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chương trình, nhập tên và mật khẩu người sử dụng, giao diện chương trình sẽ hiện ra:

Biểu số 2.1.4.1: Giao diện phần mềm kế toán BRAVO



Các phím chức năng thường sử dụng:

F1 – Trợ giúp	F7 – In	Ctrl + F7 – Xem trước khi in
F2 – Thêm	F8 – Xóa	Spacebar – Đánh dấu
F3 – Sửa	F9 – Lọc	Esc – Thoát

Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm kế toán Bravo như sau:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong doanh nghiệp đã được mã hoá, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán.

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

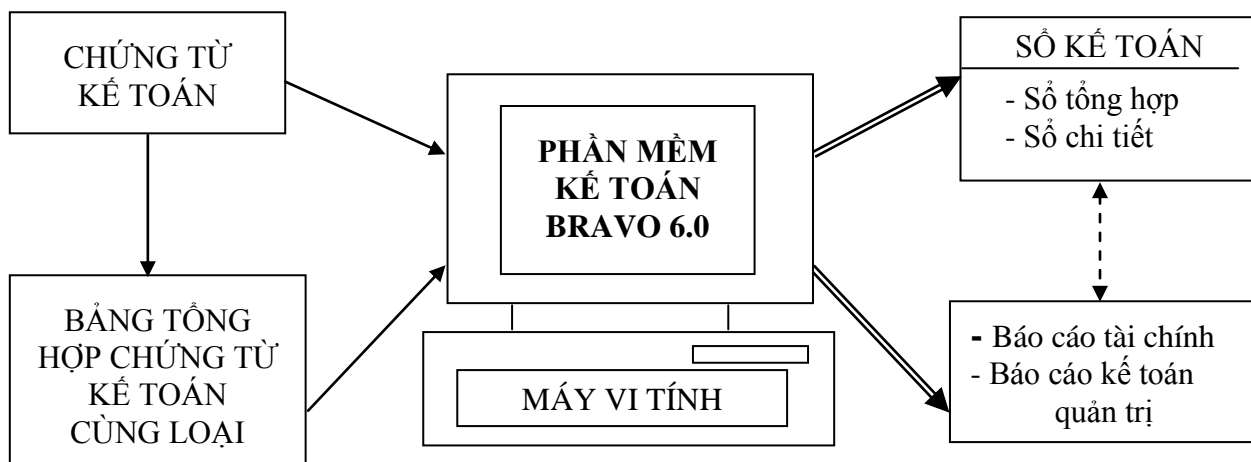
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

2. Cuối tháng (hoặc vào bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 2.1.4.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



- Ghi chú:
- > : Ghi hàng ngày
 - =====> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - <-----> : Đối chiếu, kiểm tra

2.1.5. Những thuận lợi, khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động

2.1.5.1. Thuận lợi

- Công ty có trụ sở chính tại số 6 Nguyễn Trãi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, trên tổng diện tích cả văn phòng và kho bãi là 5.324,7 m². Đây là một vị

trí địa lý hết sức thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và thông thương (gần khu trung tâm thành phố, ga Hải Phòng và cảng Hải Phòng).

- Công ty còn có chi nhánh Bến Kiền với diện tích mặt bằng 8.742 m², nằm trên quốc lộ 10 sát chân cầu Kiền mới thuộc xã An Hồng, huyện An Dương, Hải Phòng – địa điểm sản xuất chính. Chi nhánh Bến Kiền nằm ở một vị trí thuận lợi cho hoạt động sản xuất cũng như vận chuyển sản phẩm đi các tỉnh thành trong cả nước cả bằng đường bộ cũng như đường thủy.

- Công ty có đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao và ý thức trách nhiệm cao. Công tác tổ chức nhân viên luôn được xem xét và bố trí hợp lý, phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty nên tạo ra nhiều thuận lợi để các bộ phận thực hiện tốt nhiệm vụ. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động luôn được nâng cao, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, góp phần tăng lợi nhuận cho công ty.

- Được thành lập và hoạt động trong giai đoạn Đảng và Nhà nước ta đang chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, bên cạnh đó, môi trường chính trị ổn định, hành lang pháp lý tốt và điều kiện cạnh tranh bình đẳng ở nước ta hiện nay đã giúp cho Công ty có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng mối quan hệ bình đẳng, hợp tác cùng phát triển với các tổ chức, cá nhân khác trong nền kinh tế.

- Mặt khác, tiền thân của Công ty là Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và xếp dỡ vật tư (Xí nghiệp 4) - đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty kim khí Hải Phòng, doanh nghiệp thành viên độc lập của Tổng công ty thép Việt Nam – là đơn vị đã trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài nên Công ty có được lợi thế so sánh so với các công ty khác trên địa bàn về vị thế kinh doanh, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và tay nghề cao trong quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh... Việc thành lập và đưa vào hoạt động một Công ty cổ phần trên cơ sở doanh nghiệp Nhà nước có quy mô vừa và nhỏ là phù hợp với xu hướng phát triển chung của thời đại. Lợi thế này giúp Công ty chủ động phát huy nội lực, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường, làm ăn có hiệu quả, đúng pháp luật, góp phần xứng đáng vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.1.5.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên còn có không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi Công ty phải vượt qua để tồn tại và phát triển, cụ thể là:

- Chi nhánh Bến Kiền thuộc An Dương - Hải Phòng (trên đường 5 Quán Toan) nơi sản xuất thép chủ yếu lại nằm khá xa so với công ty đã gây khó khăn trong công tác tổ chức theo dõi đặc biệt là tốn nhiều chi phí trong việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa giữa trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

- Bộ máy kế toán của Công ty hoạt động tương đối hiệu quả, tuy nhiên kế toán tại phân xưởng (Chi nhánh Bến Kiền) lại kiêm nhiều nhiệm vụ: vừa là kế toán tiền mặt, vừa là kế toán công nợ, vừa theo dõi nguyên vật liệu, thậm chí là một nhân viên bán hàng vì chi nhánh cũng là nơi giao dịch hàng hoá sản phẩm. Do đó làm giảm hiệu quả lao động chung.

- Công ty áp dụng chế độ tiền lương theo thời gian với công nhân trực tiếp sản xuất với mức lương cố định mà không tính đến số lượng chi tiết và sản phẩm hoàn thành, điều này phần nào làm giảm bớt hiệu quả lao động.

- Môi trường cạnh tranh bình đẳng mang lại nhiều thuận lợi nhưng đồng thời cũng tạo cho Công ty sức ép cạnh tranh gay gắt, đòi hỏi Công ty phải không ngừng đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giữ vững uy tín và thương hiệu trên thị trường.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

2.2.1. Đặc điểm công tác bán hàng tại Công ty

Nhiệm vụ tiêu thụ hàng hoá tại công ty là nhiệm vụ mang lại lợi nhuận chủ yếu cho công ty. Vì vậy công tác quản lý nhiệm vụ tiêu thụ hàng hoá rất được chú trọng nhằm mục đích tổ chức hợp lý quá trình đưa hàng tới tay khách hàng với chi phí thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng hàng hoá.

Doanh thu bán hàng là giá trị sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ mà Công ty đã bán, đã cung cấp cho khách hàng. Giá trị của hàng bán được thoả thuận ghi trong hợp

đồng kinh tế về mua bán và cung cấp sản phẩm. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thoả thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho Công ty và chuyển đến khách hàng thì số hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí là một công ty chuyên sản xuất và kinh doanh thép vì thế doanh thu của Công ty chủ yếu thu từ hoạt động bán thành phẩm và hàng hoá các mặt hàng thép. Việc tiêu thụ hàng hoá được diễn ra khi có một đơn vị kinh tế nào đó có nhu cầu mua hàng hoá của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí và tiến hành ký kết hợp đồng mua bán với phòng kinh doanh của công ty.

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, cán bộ phòng kinh doanh tiến hành gửi báo giá đến khách hàng và phân tích tính khả thi của đơn đặt hàng. Việc phân tích được tiến hành trên cơ sở xác định chênh lệch giữa doanh thu từ việc thực hiện hợp đồng với giá vốn của lô hàng xuất bán và các chi phí bỏ ra để thực hiện việc tiêu thụ lô hàng đó. Khi khách hàng chấp nhận với giá bán trong báo giá và nhận thấy việc tiêu thụ lô hàng là có lãi thì cán bộ phòng kinh doanh tiến hành lập hợp đồng mua bán với khách hàng. Hợp đồng mua bán bao gồm các nội dung như khối lượng hàng mua, quy cách hàng hoá, đơn giá thoả thuận, phương thức thanh toán, thời gian và địa điểm giao hàng.

Khi khách hàng đến nhận hàng tại Công ty, thủ kho sẽ lập Biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho và giao hàng cho khách theo đúng số lượng và chủng loại hàng hóa ghi trên hợp đồng. Biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho được lập thành 3 liên: 1 liên lưu tại kho và dùng làm căn cứ để ghi thẻ kho, 1 liên do khách hàng giữ, liên còn lại chuyển sang phòng kế toán làm căn cứ lập Hóa đơn GTGT và hạch toán nghiệp vụ phát sinh. Khách hàng cầm Biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho sang phòng kế toán lập Hóa đơn GTGT và thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán.

Phương thức thanh toán tiền hàng được thoả thuận thống nhất giữa hai bên. Công ty áp dụng thanh toán theo 3 cách:

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán

ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được áp dụng cho các giao dịch có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên. Số tiền hàng được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.2.1. Các chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Biên bản giao nhận (Kiêm phiếu xuất kho)
- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng...

*❖ Tài khoản kế toán sử dụng: **TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

TK 511 có 4 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá, trong đó:

TK 51111: Doanh thu bán thép

- TK 511111: Doanh thu bán thép góc
- TK 511112: Doanh thu bán thép hình
- TK 511113: Doanh thu bán thép tấm
- TK 511114: Doanh thu bán thép khác

TK 51112: Doanh thu bán oxy

TK 51113: Doanh thu bán Argon

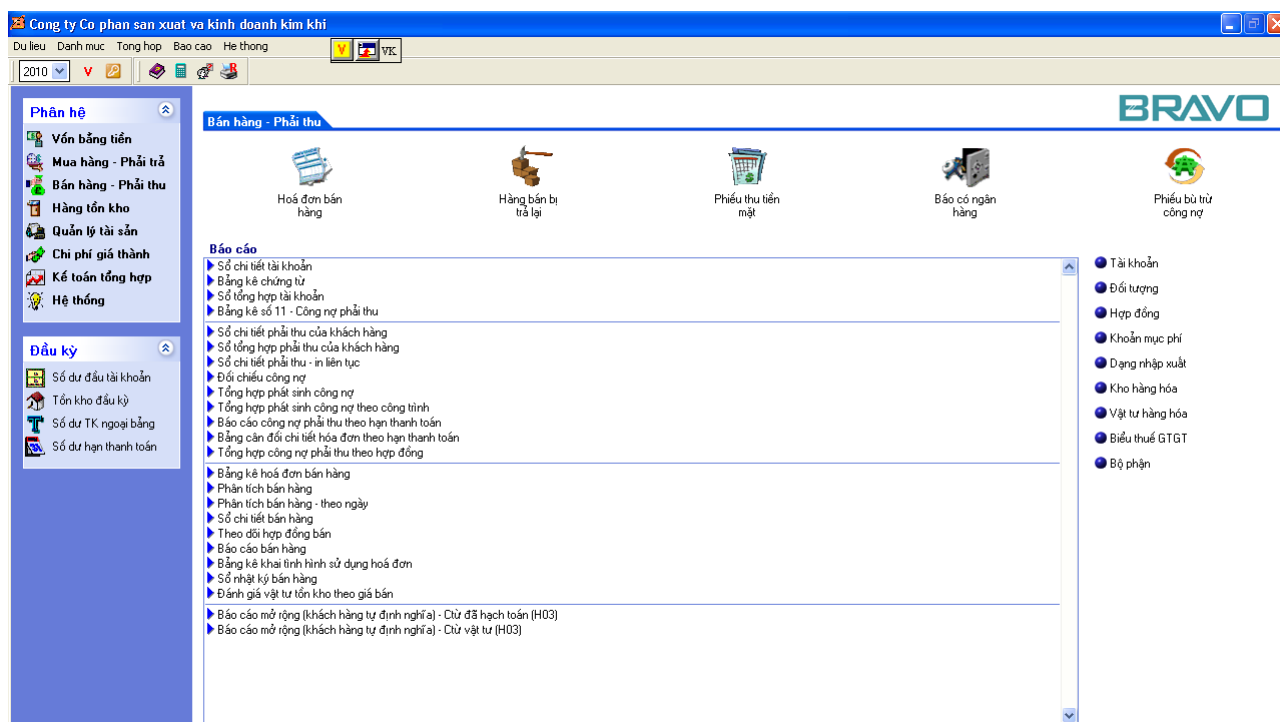
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

2.2.2.2. Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng Bravo trên màn hình vi tính, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng, lúc đó trên màn hình vi tính sẽ xuất hiện giao diện chính của chương trình kế toán đang sử dụng. Sau đó từ các chứng từ gốc kế toán sẽ nhập dữ liệu vào máy vi tính thông qua thiết bị nhập và được lưu trữ trên thiết bị nhớ dạng tệp tin dữ liệu chi tiết, từ các dữ liệu chi tiết được chuyển vào các tệp sổ cái để hệ thống hoá các nghiệp vụ theo từng đối tượng quản lý.

Nếu khách hàng chưa thanh toán tiền hàng, kế toán vào phân hệ “Bán hàng – Phải thu”, sau đó vào mục “Hoá đơn bán hàng”, nhấn “Thêm” hoặc nhấn F2 và dựa vào các thông tin trên Hóa đơn bán hàng để nhập dữ liệu liên quan đến nghiệp vụ bán hàng theo các tiêu thức trên màn hình. Kết thúc quá trình nhập bằng cách chọn “Chấp nhận”.

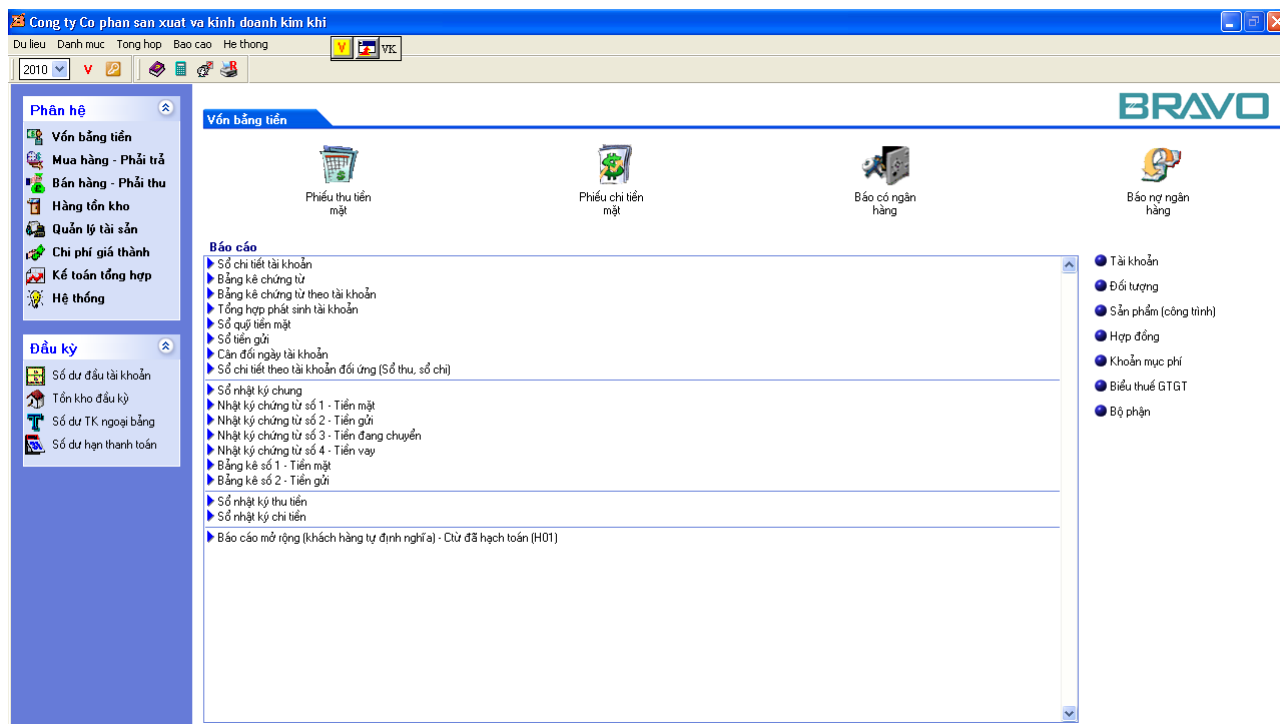
Biểu số 2.2.2.1: Phân hệ Bán hàng – Phải thu



Nếu khách hàng thu thanh toán ngay, kế toán vào phân hệ “Bán hàng – Phải thu”, chọn “Hóa đơn bán hàng” để nhập dữ liệu, đồng thời vào phân hệ “Vốn bằng tiền”,

chọn chứng từ tương ứng với hình thức thanh toán để nhập dữ liệu, trong đó mục “Hóa đơn bán hàng” dạng nhập không định khoản vào Sổ cái.

Biểu số 2.2.2.2: Phân hệ Vốn bằng tiền



Sau khi kế toán nhập đầy đủ dữ liệu dựa trên các chứng từ, các thông tin được tự động nhập vào Nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết TK 511 và các TK liên quan.

Ví dụ 2.2.2: Ngày 03/12/2010 Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí bán thép hình cho Công ty CP Thép Mới, số tiền chưa thuế 897.232.896 đồng (VAT 10%) theo Hoá đơn GTGT số 0029456. Công ty CP Thép Mới chưa thanh toán.

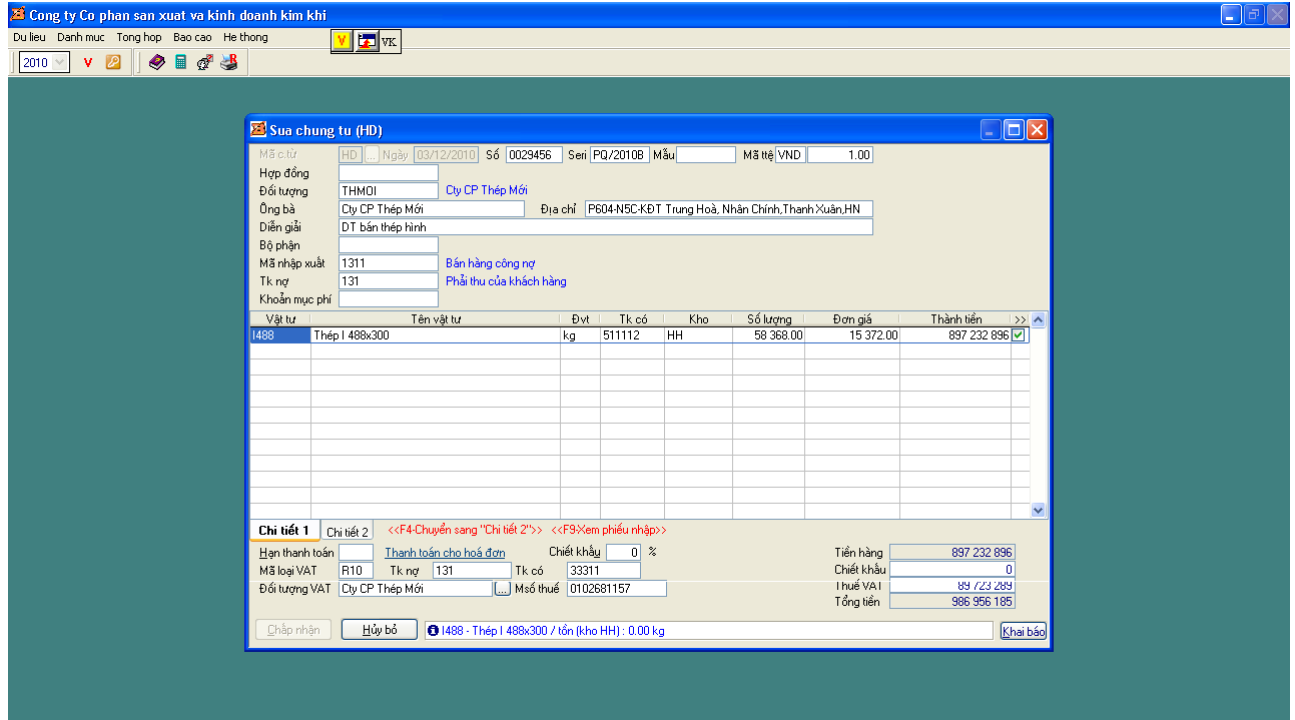
Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán lập Hoá đơn GTGT thành ba liên:

- Liên 1: Lưu (màu tím)
- Liên 2: Giao khách hàng (màu đỏ)
- Liên 3: Nội bộ (màu xanh) (Biểu số 2.2.2.1)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán nhập các thông tin vào phần mềm: Từ giao diện ban đầu của phần mềm chọn phân hệ “Bán hàng – Phải thu”, sau đó chọn

mục “Hóa đơn bán hàng”, nhấn F2 để nhập Hóa đơn bán hàng mới và khai báo thông tin theo các tiêu thức trên màn hình.

Biểu số 2.2.2.3: Giao diện nhập Hóa đơn bán hàng



Kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 986.956.185

Có TK 511112: 897.232.896

Có TK 33311: 89.723.289

Sau khi đã nhập xong, kế toán chọn “Chấp nhận” để kết thúc. Các thông tin và số liệu được phần mềm tự động nhập vào các sổ sách có liên quan.

Cuối tháng, kế toán thực hiện Bút toán khoá sổ để kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.2.2.4:

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
PQ/2010B
0029456

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CTY CP SX VÀ KD KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 0200412681

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CTY CP THÉP MỚI

Địa chỉ: Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MST: 0100894199

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép hình I488	Kg	58.368	15.372	897.232.896

Cộng tiền hàng: 897.232.896

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 89.723.289

Tổng cộng tiền thanh toán: 986.956.185

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm tám mươi sáu triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn một trăm tám mươi lăm đồng.

Người mua hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

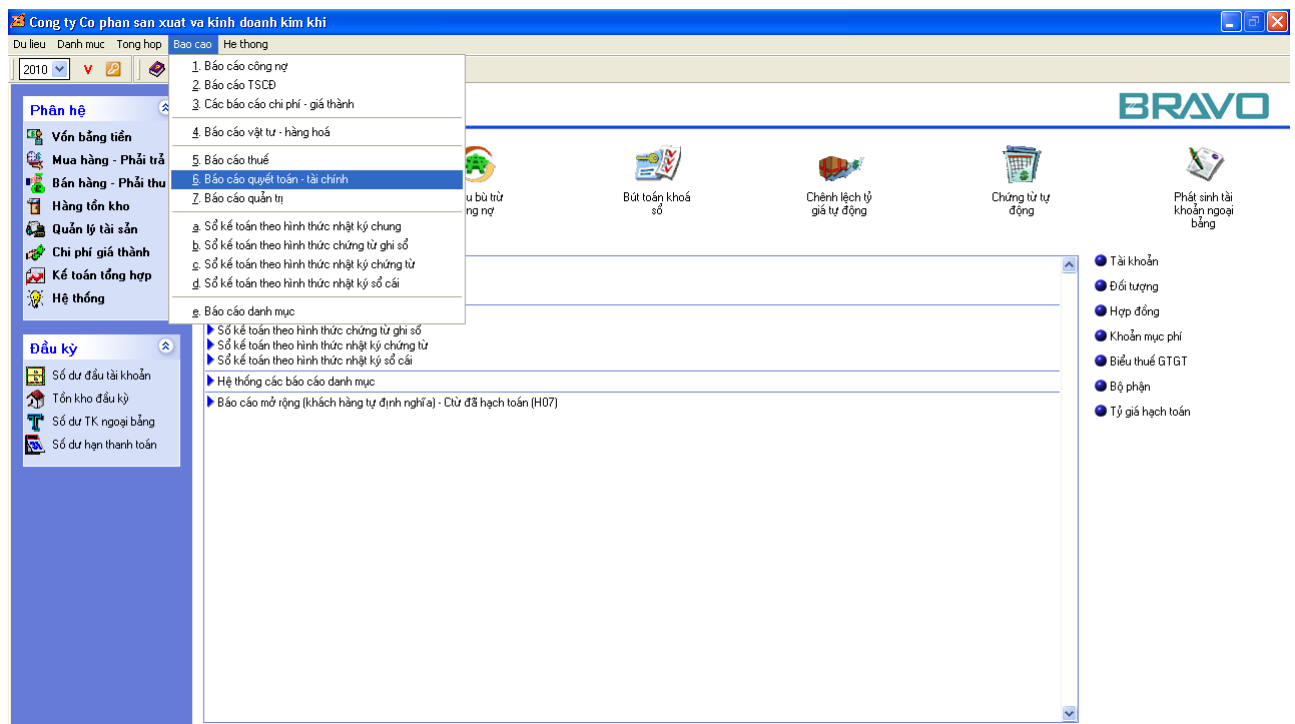
Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Để xem các sổ kế toán theo các hình thức kế toán, từ giao diện chính của chương trình, kế toán chọn mục “Báo cáo” trên thanh thực đơn rồi chọn Sổ kế toán theo hình thức cần xem. Ví dụ, muốn xem sổ Nhật ký chung, kế toán vào Báo cáo/Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, rồi chọn “Nhật ký chung”. Muốn xem sổ cái TK 511 theo hình thức Nhật ký chung, kế toán vào Báo cáo/Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung/Sổ cái tài khoản, sau đó chọn Số hiệu TK: 511, Ngày mở sổ: 01/01/2010, Ngày kết thúc: 31/12/2010.

Biểu số 2.2.2.5:



Biểu số 2.2.2.6:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số: S03a4-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		3.791.460.251.809	3.791.460.251.809
		
03/12	PN 001/12	03/12	Nhập kho tấm cắt 4 ly	155 1541	44.612.223	44.612.223
03/12	PC 006/12	03/12	Trả tiền mua xăng dầu HĐ 0056039	331 11211	42.580.000	42.580.000
03/12	HD 0029456	03/12	DT bán thép hình	131 511112 33311	986.956.185	897.232.896 89.723.289
03/12	HD 0029457	03/12	DT bán thép hình	131 511112 33311	262.780.800	238.891.626 23.889.174
03/12	HD 0029458	03/12	DT bán thép tấm	131 511113 33311	11.784.450	10.713.140 1.071.310
		
			Cộng chuyển sang trang sau	x	3.793.674.290.569	3.793.674.290.569

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

Biểu số 2.2.2.7:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
03/12	HD 0029454	03/12	DT bán thép hình	131		325.913.883
03/12	HD 0029455	03/12	DT bán thép hình	131		9.831.314
03/12	HD 0029456	03/12	DT bán thép hình	131		897.232.896
03/12	HD 0029457	03/12	DT bán thép hình	131		238.891.626
03/12	HD 0029458	03/12	DT bán thép tấm	131		10.713.140
		
31/12	TĐ 55/12	31/12	Kết chuyển doanh thu 511 --> 9111	9111	51.402.108.844	
			- Cộng số phát sinh		350.850.541.841	350.850.541.841
			- Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.3.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đơn GTGT của hàng hóa, nguyên vật liệu mua vào
- Phiếu nhập kho của hàng hóa, nguyên vật liệu mua vào
- Biên bản giao nhận hàng hóa (kiêm Phiếu xuất kho)

❖ *Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán*

Tài khoản 632 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6321: Giá vốn hàng bán của hàng hóa
- TK 6322: Giá vốn hàng bán của thành phẩm

2.2.3.2. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán

Đối với thành phẩm do Công ty sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành. Đối với hàng hóa, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí tính trị giá vốn của hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

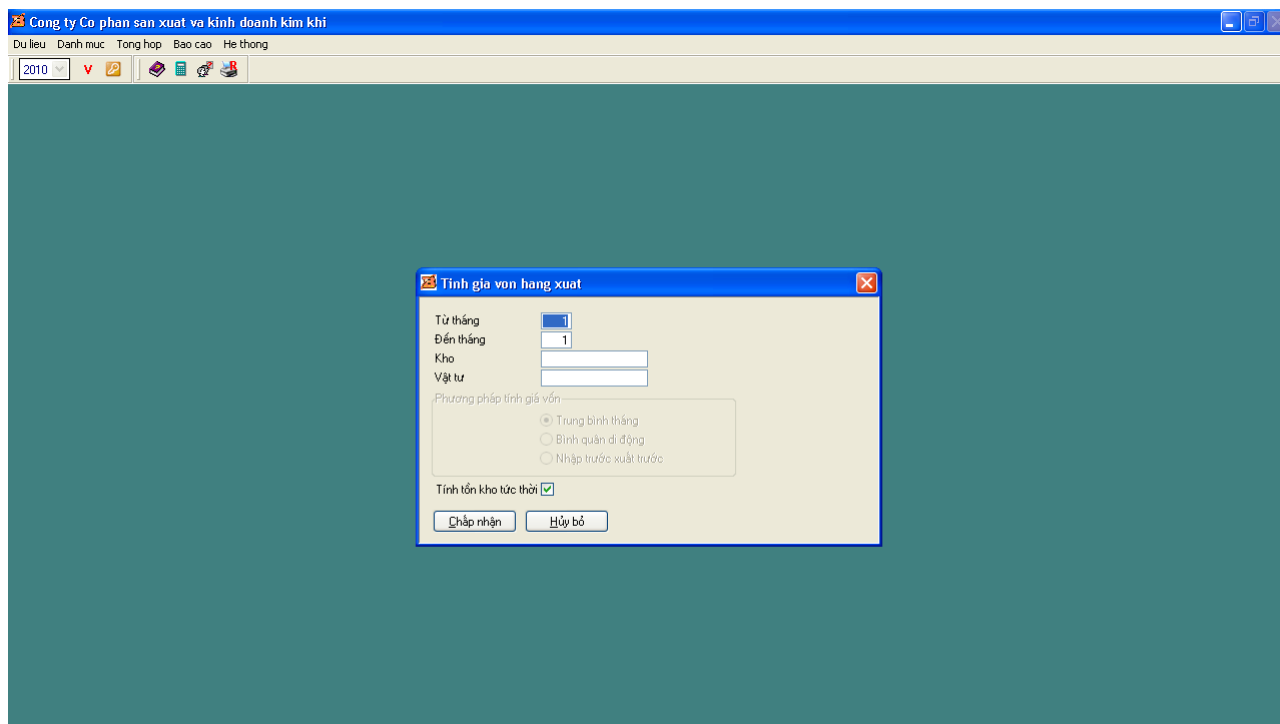
Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Cuối tháng, để tính giá vốn hàng bán, kế toán vào phân hệ “Tổng hợp” từ giao diện chính của chương trình hoặc mục “Tổng hợp” trên thanh thực đơn, sau đó chọn

“Tính giá vốn hàng xuất”. Khi cửa sổ Tính giá vốn hàng xuất hiện ra, kế toán chọn tháng cần tính giá vốn, chọn loại kho, vật tư sau đó chọn “Chấp nhận”.

Biểu số 2.2.3.1: Giao diện Tính giá vốn hàng xuất



Giá vốn hàng xuất kho trong kỳ sẽ được máy tính tự động tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ và tự động nhập số liệu vào các sổ sách có liên quan.

Ví dụ 2.2.3: Ngày 03/12/2010 Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí bán thép hình cho Công ty CP Thép Mới, số tiền chưa thuế 897.232.896 đồng (VAT 10%) theo Hoá đơn GTGT số 0029456. Công ty CP Thép Mới chưa thanh toán (như Ví dụ 2.2.2)

Cuối tháng, kế toán vào mục Tổng hợp/Tính giá vốn hàng xuất, chọn tháng 12 để tính giá vốn hàng bán cho tháng 12 sau đó chọn “Chấp nhận” để phần mềm tự động tính giá xuất kho.

Để xem Sổ cái TK 632 theo hình thức Nhật ký chung, kế toán chọn Báo cáo/Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung/Sổ cái tài khoản rồi chọn số hiệu TK: 632, ngày mở sổ: 01/01/2010, ngày kết thúc: 31/12/2010 và nhấp vào ô “Chấp nhận”.

Biểu số 2.2.3.2:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ KINH DOANH KIM KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA
(KIÊM PHIẾU XUẤT KHO)**

Số:

Ngày: 03/12/2010

I/ Bên giao hàng: Công ty cổ phần SX và KD kim khí

Ông (bà): Phạm Gia Thương

Chức vụ: Thủ kho

Số CMND:

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.826 832 / 551875

Fax: 0313.836 425

Mã số thuế: 0200412681

Họ tên lái xe:

Số xe:

Bên nhận hàng: Công ty CP Thép Mới

Ông (bà): Trần Văn Xá

Chức vụ:

Số CMND

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Họ tên lái xe:

Số xe: 16L 6931

Cùng nhau làm biên bản giao nhận chi tiết hàng hóa như sau:

STT	TÊN HÀNG HÓA – QUY CÁCH	SỐ LƯỢNG TỶ/CÂY	TRỌNG LƯỢNG (KG)	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG/KG)	GHI CHÚ
	Thép I488x300	67 cây	58.368		

BÊN NHẬN HÀNG

BÊN GIAO HÀNG

THỦ KHO

TP. KINH DOANH

Biểu số 2.2.3.3:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
03/12	HĐ 0029454	03/12	DT bán thép hình	1561	261.162.683	
03/12	HĐ 0029455	03/12	DT bán thép hình	1561	7.948.392	
03/12	HĐ 0029456	03/12	DT bán thép hình	1561	850.459.016	
03/12	HĐ 0029457	03/12	DT bán thép hình	1561	191.205.676	
03/12	HĐ 0029458	03/12	DT bán thép tấm	1561	10.307.330	
		
31/12	TĐ 56/12	31/12	Kết chuyển giá vốn 632 --> 9111	9111		48.091.760.404
			- Cộng số phát sinh		317.150.652.701	317.150.652.701
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

2.2.4.1.1. Các chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào (xăng dầu, cước vận chuyển hàng, lệ phí cầu đường...)

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Lệnh chi...

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

❖ *Tài khoản sử dụng: TK 641 – Chi phí bán hàng*

Tài khoản 641 có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên

- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì

- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

2.2.4.1.2. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng

Quá trình tập hợp và hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim Khí được thực hiện như sau: Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán lựa chọn phân hệ phù hợp để nhập dữ liệu vào máy tính. Đối với các chứng từ thanh toán, kế toán vào phân hệ “Vốn bằng tiền” rồi chọn chứng từ thanh toán phù hợp. Để hạch toán chi phí tiền lương cho nhân viên bán hàng, kế toán vào phân hệ “Kế toán tổng hợp”, chọn mục “Phiếu kế toán khác” và nhập các thông tin theo các tiêu thức trên màn hình. Chi phí khấu hao TSCĐ sẽ được máy tính tự động tính và nhập dữ liệu vào các sổ sách liên quan vào ngày mặc định trên hệ thống (ngày cuối tháng).

Cuối tháng kế toán vào Bút toán khoá sổ kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 2.2.4.1: Ngày 31/12/2010 Phiếu chi số 121/12 thanh toán tiền cước vận chuyển hàng cho khách cho Công ty CPTM vận tải và du lịch Phương Thành, tổng số tiền thanh toán 18.048.920 đồng, thuế suất GTGT 10% theo Hoá đơn GTGT 0030208 SP/2010B ngày 27/12/2010.

Biểu số 2.2.4.1:

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SP/2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0030208

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CTY CP TM VẬN TẢI VÀ DU LỊCH PHƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Tổ 20 đường Nguyễn Sơn Hà – Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST: 0200578976

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty CP sản xuất và kinh doanh kim khí

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, HP

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MST: 0200412681

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vận chuyển thép hình	Tấn	601,625	27.273	16.408.109

Cộng tiền hàng: 16.408.109

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 1.640.811

Tổng cộng tiền thanh toán: 18.048.920

Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu không trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

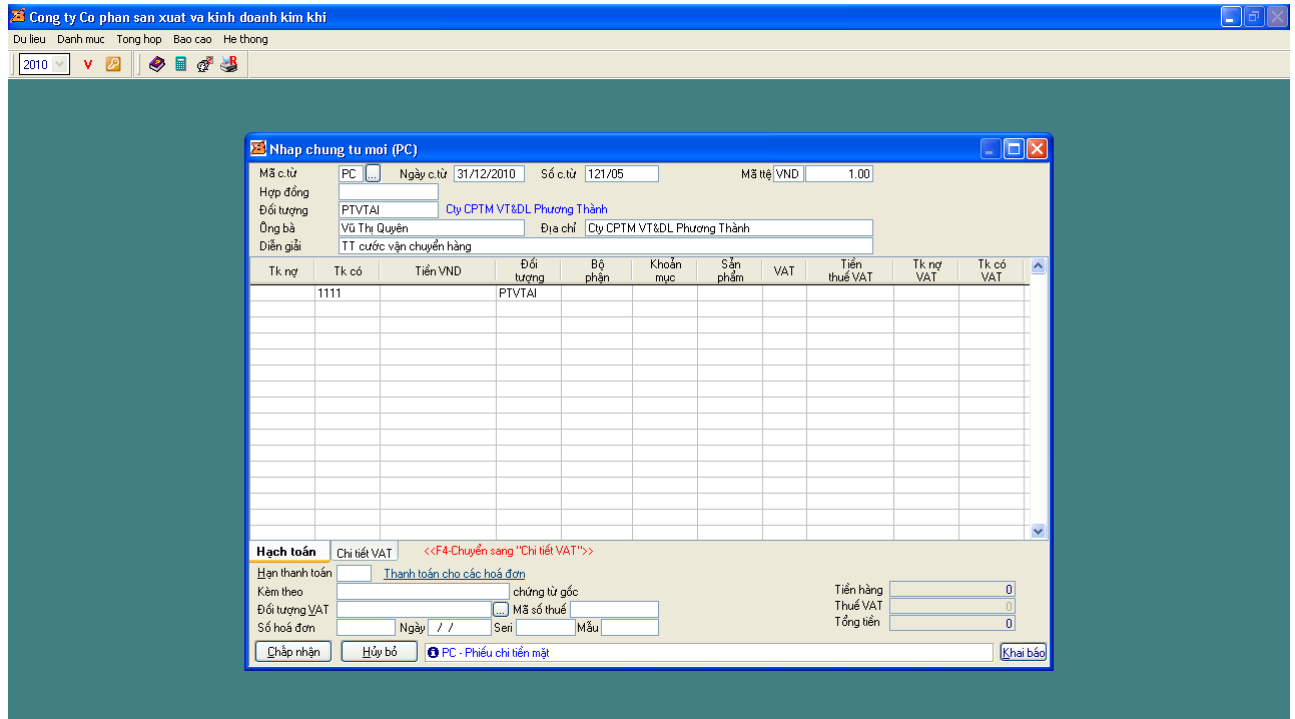
Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, từ giao diện chính của chương trình, kế toán vào mục **Vốn bằng tiền/Phiếu chi tiền mặt**, nhấn F2 để thêm chứng từ mới sau đó nhập thông tin theo các tiêu thức trên màn hình.

Biểu số 2.2.4.2:



Kế toán định khoản:

Nợ TK 6417: 16.408.109

Nợ TK 1331: 1.640.811

Có TK 1111: 18.048.920

Sau khi đã nhập xong, kế toán chọn “Chấp nhận” để thực hiện việc lập Phiếu chi. Các thông tin sẽ được máy tính tự động nhập vào các sổ sách có liên quan. Kế toán nhấn vào nút “Xem” hoặc tổ hợp phím Ctrl + F7 để xem Phiếu chi vừa lập và nhấn F7 để in.

Biểu số 2.2.4.3:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Quyển số:
Số: 121/12
Nợ 6417: 16.408.109
Nợ 1331: 1.640.811
Có 1111: 18.048.920

Họ tên người nhận tiền: Đoàn Văn Khuê
Địa chỉ: Cty CPTM VT&DL Phương Thành
Lý do chi: TT tiền cước vận chuyển hàng
Số tiền: **18.048.920 VND** (viết bằng chữ) **Mười tám triệu không
trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng chẵn.**
Kèm theo:Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---	--------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.2.4.4:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÁI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
31/12	HD 0068037	31/12	Cước vận chuyển hàng tháng 11+12/2010	331	65.909.091	
31/12	PC 004/12	31/12	TT cước cầu hàng tháng 11+12/2010	1111	8.919.040	
31/12	PC 118/12	31/12	TT tiền cân hàng bán cho khách	1111	40.000	
31/12	PC 121/12	31/12	TT tiền cước vận chuyển hàng	1111	18.048.920	
31/12	HD 0058148	31/12	Xăng dầu tháng 12/2010	331	10.502.109	
		
31/12	TĐ 71/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng 641 --> 9111	9111		531.931.166
			- Cộng số phát sinh		3.787.151.575	3.787.151.575
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.2.1. Các chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào (xăng dầu, điện, nước, điện thoại tại văn phòng công ty...)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Lệnh chi...
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

❖ *Tài khoản sử dụng: TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

2.2.4.2.2. Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tương tự như cách hạch toán chi phí bán hàng, hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán lựa chọn phân hệ phù hợp để nhập dữ liệu vào máy tính. Đối với các chứng từ thanh toán, kế toán vào phân hệ “Vốn bằng tiền” rồi chọn chứng từ thanh toán phù hợp. Để hạch toán chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý, kế toán vào phân hệ “Kế toán tổng hợp”, chọn mục “Phiếu kế toán khác” và nhập các thông tin theo các tiêu thức trên màn hình. Chi phí khấu hao TSCĐ sẽ được máy tính tự động tính và nhập dữ liệu vào các sổ sách liên quan vào ngày mặc định trên hệ thống (ngày cuối tháng).

Cuối tháng kế toán vào Bút toán khoá sổ kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 2.2.4.2: Ngày 31/12/2010, Công ty chuyển khoản thanh toán tiền mua que hàn HD số 0056292. Phí chuyển tiền là 10.000 đồng (thuế GTGT 10%) theo Phiếu thu dịch vụ kiêm hóa đơn số DP2010T1680009688 của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền.

Biểu số 2.2.4.5:

Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Phiếu thu dịch vụ kiêm hóa đơn

Service Charge Receipt

(Phát hành theo CV 10429/CT-QTTVAC ngày 24/06/2009 của Cục thuế TP. Hà Nội)

Số No DP2010T1680009688

Ngày Date 31/12/2010 Giờ Time 10:20:59

MST GTGT CNNHCT Vietinbank Br.'s VAT code 0100111948049-1

MST GTGT Khách hàng Customer's VAT code 0200412681

Liên 2 Chứng từ hạch toán Copy 2 Accounting Document

Tên khách hàng Name of Customer CONG TY CO PHAN SX VÀ KD KIM KHI

Địa chỉ Address 06 NGUYEN TRAI HP Điện thoại Tel 3826832

Số tài khoản Account No	Tên tài khoản Account name	Số tiền Amount
Nợ Debit 10201-00002166203:VND	CTY CP SX VA KD KIM KHI	11,000.00 VND
Có Credit	THUE GTGT PHAI NOP	1,000.00 VND
Có Credit	PHI CHUYEN TIEN	10,000.00 VND
Có Credit		

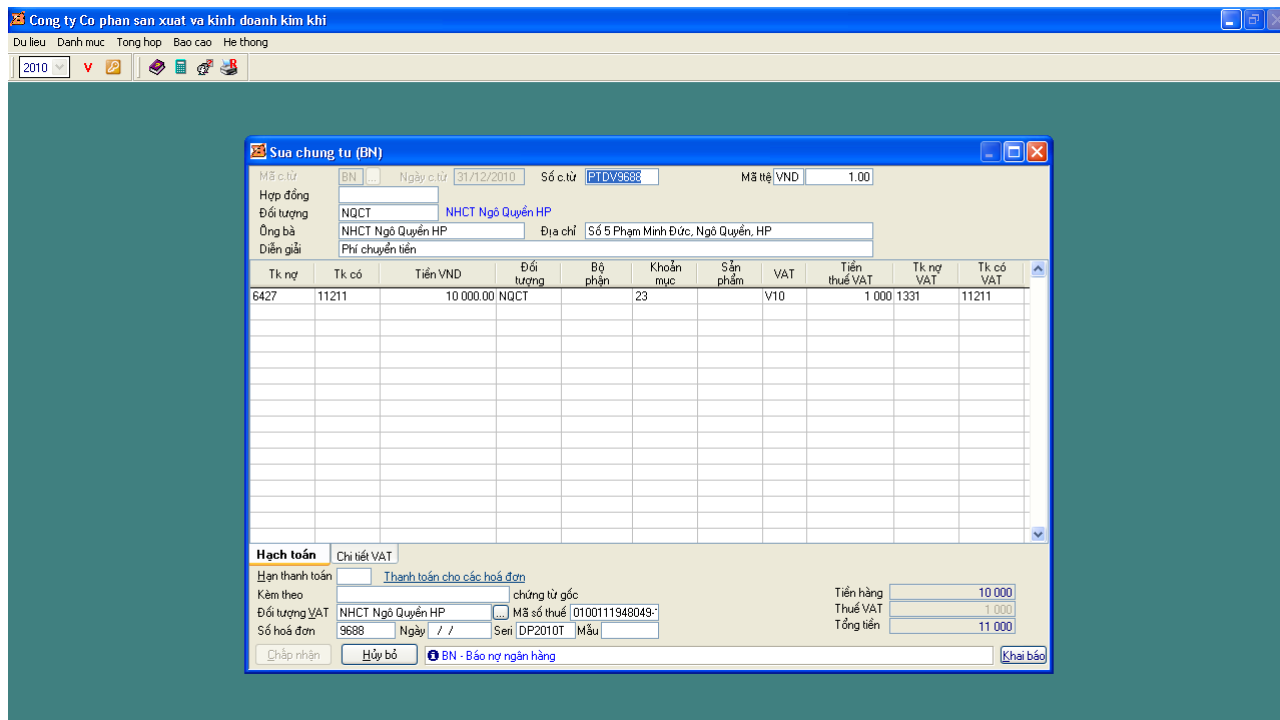
Tổng số tiền bằng chữ Total amount in words MUOI MOT NGHIN DONG CHAN

Nội dung Remarks TRA TIEN MUA QUE HAN HD 0056292

Khách hàng Customer	Thủ quỹ Cashier	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor	Người phê duyệt Approved by
-------------------------------	---------------------------	---------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------

Kế toán vào mục Vốn bằng tiền/Báo nợ ngân hàng, nhấn F2 để lập Giấy báo nợ mới, sau đó nhập các số liệu và thông tin theo các tiêu thức trên màn hình.

Biểu số 2.2.4.6:



Kết thúc, kế toán nhấn “Chấp nhận” để lưu và nhấn Esc để trở về màn hình trước.

Các thông tin vừa được kế toán nhập sẽ được máy tính tự động nhập vào các sổ sách có liên quan của cả 4 hình thức kế toán.

Để xem Sổ cái tài khoản 642 theo hình thức Nhật ký chung, kế toán chọn Báo cáo/Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung/Sổ cái tài khoản rồi nhập số hiệu TK: 642, ngày mở sổ: 01/01/2010, ngày kết thúc: 31/12/2010 và nhấp vào ô “Chấp nhận”, Sổ cái TK 642 năm 2010 sẽ hiện ra trên màn hình. Nhấn F7 để in và Esc để thoát.

Biểu số 2.2.4.7:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
28/12	PC 089/12	28/12	TT tiền điện thoại tháng 12/2010	1111	1.646.880	
29/12	PTDV 9636	29/12	TT tiền sửa chữa máy tính và máy in	1111	359.091	
31/12	PTDV 9686	31/12	Phí chuyển tiền	11211	10.000	
31/12	HĐ 0058148	31/12	TT tiền xăng dầu tháng 12/2010	331	10.142.680	
31/12	PKT 014/12	31/12	Phân bổ 242 tháng 12/2010	242	5.318.182	
		
31/12	TĐ 72/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN 642 --> 9111	9111		863.635.779
			- Cộng số phát sinh		6.241.178.998	6.241.178.998
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang số)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí chủ yếu từ lãi tiền gửi VND và USD, lãi tiền ký quỹ tại các ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá...

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**. TK 515 có 4 TK cấp 2:

- TK 5153: Thu nhập về cho thuê tài sản
- TK 5154: Thu lãi tiền gửi
- TK 5156: Thu lãi chênh lệch tỷ giá
- TK 5158: Thu nhập về hoạt động đầu tư khác

Dựa vào các Giấy báo Có (hoặc Giấy báo lãi) của các ngân hàng, kế toán tiến hành nhập các thông tin và số liệu vào mục “Báo có ngân hàng” trong phân hệ “Vốn bằng tiền”.

Cuối tháng kế toán vào Bút toán khoá sổ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 2.2.5.1: Công ty nhận được Giấy báo lãi tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ngô Quyền tháng 12/2010, tổng số tiền lãi được hưởng là 15.929.896 đồng.

Biểu số 2.2.5.1:

Vietcombank Branch:00168 DDI065P PAGE 1
 Branch 00168 CN NGO QUYEN-NHTMCP CONG THUONG VN
 GIAY BAO LAI

(Tu ngay 1/12/2010 den het ngay 31/12/2010)

Kinh gui: CONG TY CO PHAN SX VA KD KIM KHI

So tai khoan: 102010000216623 Loại tien te: VND

Tai khoan tai ngan hang chung toi duoc huong so tien lai tuong ung voi lai suat va so du tai khoan nhu sau:

Ngày	So du	Lai suat (%/nam)	So tien lai cong don
1/12/10	3.751.665.947,00	3,00	312.639,00
2/12/10	4.873.657.387,00	3,00	718.777,00
5/12/10	6.337.445.691,00	3,00	2.303.138,00
6/12/10	4.816.206.064,00	3,00	2.704.489,00
7/12/10	5.803.142.249,00	3,00	3.188.084,00
8/12/10	2.709.383.211,00	3,00	3.413.866,00
9/12/10	3.271.469.126,00	3,00	3.686.488,00
12/12/10	2.979.193.446,00	3,00	4.431.287,00
13/12/10	6.034.783.521,00	3,00	4.934.185,00
14/12/10	3.115.124.280,00	3,00	6.193.779,00
15/12/10	3.261.903.255,00	3,00	5.465.604,00
16/12/10	2.154.554.038,00	3,00	5.645.151,00
17/12/10	2.495.495.752,00	3,00	5.853.109,00
19/12/10	2.695.495.752,00	3,00	6.302.358,00
20/12/10	3.075.996.207,00	3,00	6.558.691,00
21/12/10	6.412.992.867,00	3,00	7.093.107,00
22/12/10	7.037.610.230,00	3,00	7.679.574,00
23/12/10	7.862.864.604,00	3,00	8.334.813,00
24/12/10	12.986.160.193,00	3,00	9.416.993,00
26/12/10	9.332.338.623,00	3,00	10.972.383,00
27/12/10	10.549.949.993,00	3,00	11.851.454,00
28/12/10	10.569.949.993,00	3,00	12.732.375,00
29/12/10	12.382.571.910,00	3,00	13.764.256,00
30/12/10	12.884.104.555,00	3,00	14.837.931,00
31/12/10	13.103.579.531,00	3,00	15.929.896,00

So tien duoc huong (bang so): 15.929.896,00

So tien duoc huong (bang chu): Muoi nam trieu chin tram hai muoi chin nghin tam tram chin muoi sau

Ngan hang: CN NGO QUYEN-NHTMCP CONG THUONG VN

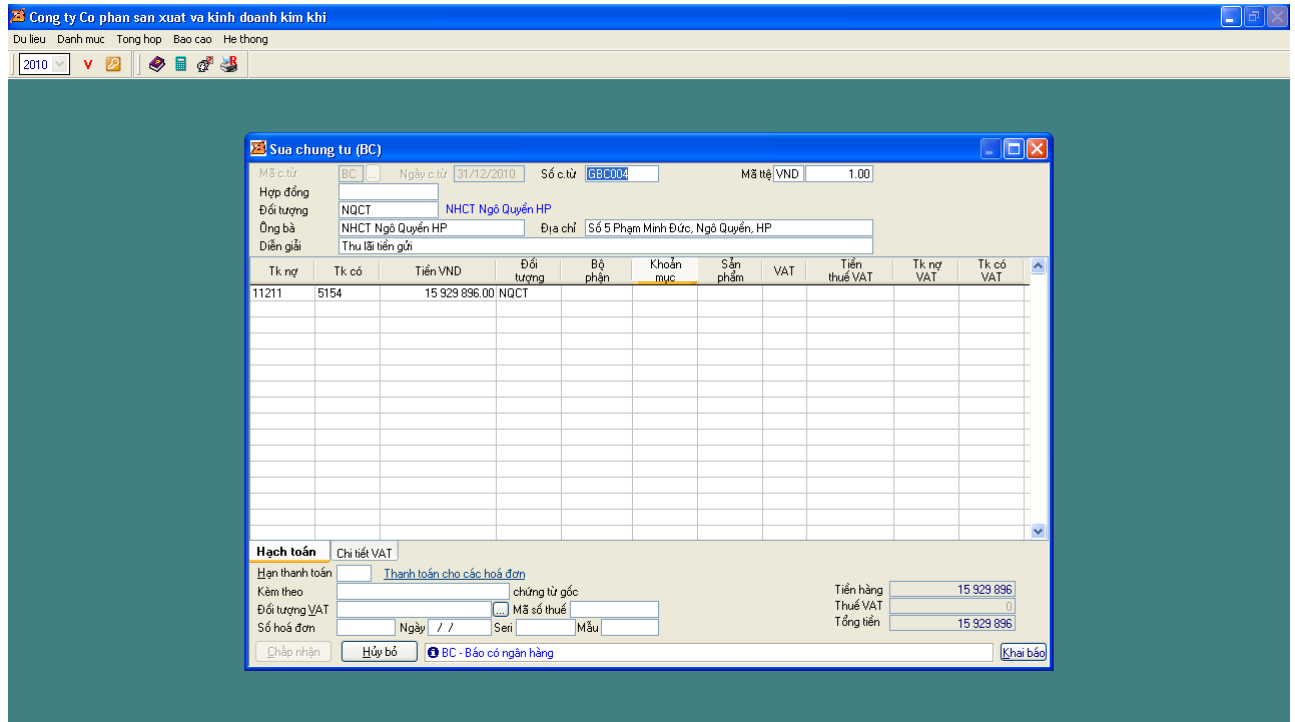
Kinh bao

Ngươi lap bang

Kiem soat vien

Kế toán vào mục **Vốn bằng tiền/Báo có ngân hàng**, nhấn **F2** để thêm chứng từ mới và nhập dữ liệu dựa trên Giấy báo lãi của ngân hàng vào các tiêu thức trên màn hình.

Biểu số 2.2.5.2:



Sau khi nhập xong, kế toán chọn “**Chấp nhận**” để lưu và nhấn **Esc** để quay trở về màn hình ban đầu.

Để xem **Sổ cái tài khoản 515** theo hình thức **Nhật ký chung**, kế toán chọn **Báo cáo/Sổ kế toán** theo hình thức **Nhật ký chung/Sổ cái tài khoản** rồi nhập số hiệu **TK: 515**, chọn thời gian mở sổ (ví dụ từ ngày **01/01/2010** đến ngày **31/12/2010**) và nhập vào ô “**Chấp nhận**”.

Biểu số 2.2.5.3:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
25/12	GBC 022/12	25/12	Thu lãi tiền gửi	11214		91.695
31/12	GBC 023/12	31/12	Thu lãi tiền gửi USD	11223		68.445.000
31/12	GBC 024/12	31/12	Thu lãi tiền gửi	11211		15.929.896
31/12	GBC 026/12	31/12	Thu lãi tiền gửi	11213		11.480.017
31/12	GBC 027/12	31/12	Thu lãi tiền ký quỹ	11213		285.090
31/12	TĐ 72/12	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC 515 --> 9111	9111	31.071.551	
		
			- Cộng số phát sinh		2.471.322.096	2.471.322.096
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

2.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí phát sinh chủ yếu từ chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay ngắn hạn, trung và dài hạn, lỗ do chênh lệch tỷ giá...

Kế toán sử dụng **TK 635 – Chi phí tài chính** để phản ánh các khoản chi phí tài chính này. TK 635 có 2 TK cấp 2:

- TK 6354: Lãi tiền vay
- TK 6356: Lỗ do chênh lệch tỷ giá

Tùy vào hình thức thanh toán các khoản lãi vay mà kế toán tiến hành nhập các thông tin và số liệu vào mục “Phiếu chi tiền mặt” hoặc “Báo nợ ngân hàng” trong phân hệ “Vốn bằng tiền”. Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá được hạch toán tại mục “Phiếu kế toán khác” trong phân hệ “Kế toán tổng hợp”.

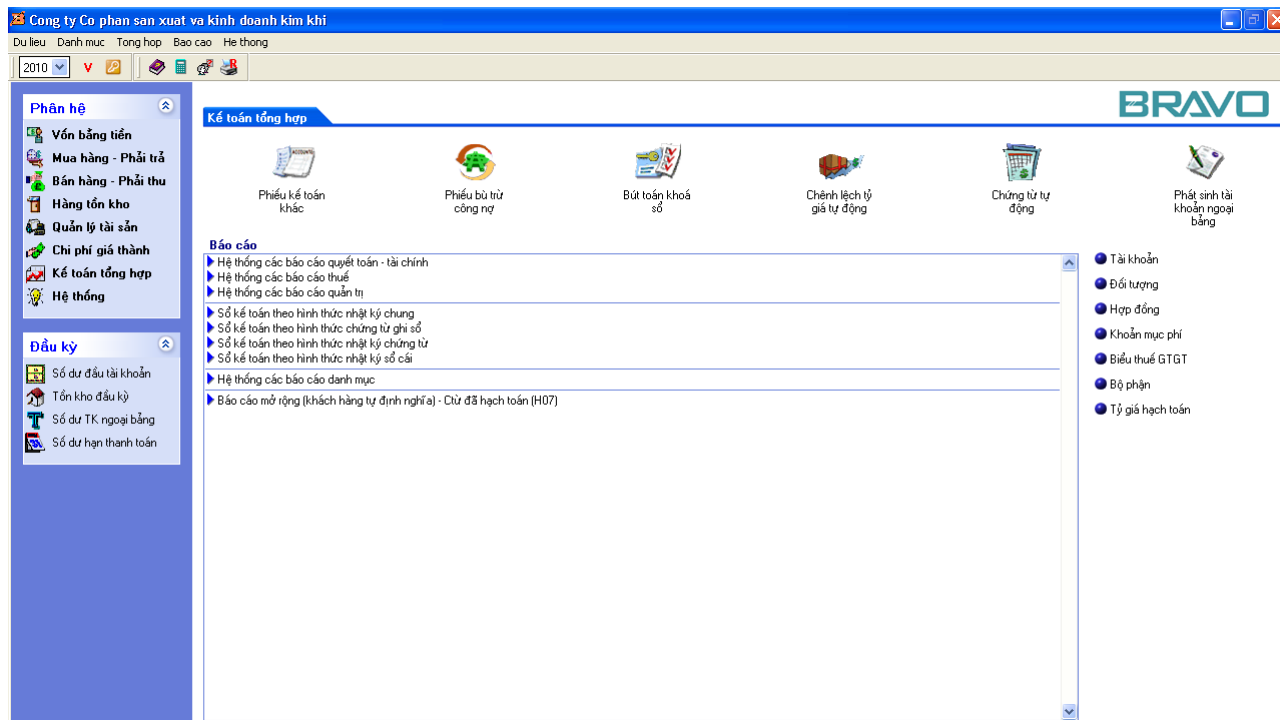
Cuối tháng kế toán vào Bút toán khoá sổ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 2.2.5.2: Ngày 31/12/2010, Phiếu kế toán số 003/12 hạch toán tiền lãi quý 4 năm 2010, số tiền 151.313.016 đồng.

Từ màn hình giao diện chính kế toán vào mục Kế toán tổng hợp/Phiếu kế toán khác, nhấn F2 để nhập phiếu kế toán mới. Sau khi đã nhập xong các thông tin về đối tượng, diễn giải, TK nợ, TK có, số tiền..., kế toán nhấn vào “Chấp nhận” để lưu, nhấn F7 để in chứng từ. Nghiệp vụ vừa nhập sẽ được máy tính tự động nhập vào các sổ kế toán có liên quan.

Để xem Sổ cái TK 635 theo hình thức Nhật ký chung, kế toán chọn “Báo cáo” trên thanh thực đơn, chọn tiếp “Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung”, mục “Sổ cái tài khoản” và nhập số hiệu TK, thời gian và chọn “Chấp nhận”. Một cửa sổ mới với nội dung là Sổ cái TK 635 sẽ hiện ra trên màn hình.

Biểu số 2.2.5.4:



Biểu số 2.2.5.5:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
 Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Số: PKT003/12 (Mã c.từ: PK)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12	PKT003	Hạch toán tiền lãi quý 4 năm 2010	6354	3111	151.313.016	
		TỔNG CỘNG			151.313.016	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Một trăm năm mươi một triệu ba trăm mười ba ngàn không trăm mười sáu đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu số 2.2.5.6:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
28/12	GBN 021/12	28/12	Trả lãi tiền vay ngắn hạn	11213	135.422.820	
28/12	PC 086/12	28/12	Trả tiền lãi vay dài hạn 6 tháng cuối năm 2010	1111	8.400.000	
31/12	PKT 003/12	31/12	Hạch toán tiền lãi quý 4 năm 2010	3111	151.313.016	
31/12	PKT 004/12	31/12	Hạch toán chênh lệch tỷ giá LC154	331	169.860.021	
31/12	PKT 005/12	31/12	Hạch toán tiền lãi vay tại các ngân hàng đến	335	100.491.493	
		
31/12	TĐ 63/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 635 --> 9112	9112		1.645.265.415
			- Cộng số phát sinh		13.018.069.174	13.018.069.174
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Năm 2010, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Kim khí phát sinh rất ít nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác. Thu nhập khác trong năm vừa qua của Công ty chủ yếu từ hoạt động cho thuê máy nghiền đá và thu nhập từ nhượng bán xe cầu Kobelco 15LA-0026. Chi phí khác phát sinh trong năm cũng từ việc hạch toán giảm TSCĐ xe cầu Kobelco 15LA-0026, ngoài ra còn có chi phí khấu hao dây chuyền thiết bị chế biến đá và hạch toán số vỏ chai oxy bị mất, hỏng, không sử dụng được.

Để hạch toán thu nhập khác và chi phí khác, kế toán sử dụng 2 tài khoản:

- **TK 711 – Thu nhập khác**
- **TK 811 – Chi phí khác**

Để xem Sổ cái TK 711 và TK 811 năm 2010 theo hình thức Nhật ký chung, kế toán vào mục Báo cáo/Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung/Sổ cái tài khoản, chọn số hiệu TK 711 hoặc 811, khoảng thời gian từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 và chọn “Chấp nhận”

Biểu số 2.2.6.1:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
09/09	HĐ 0062971	09/09	Bán xe cầu Kobelco 15LA-0026	131		454.545.455
30/09	HĐ 0027203	30/09	Cho thuê máy nghiền đá T4	131		90.909.091
30/09	TĐ 62/09	30/09	Kết chuyển thu nhập khác 711 --> 9113	9113	545.454.546	
31/12	GBC 010	31/12	Thu lại tiền phí chuyển tiền nhằm	11217		1.339.690
31/12	TĐ 62/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác 711 --> 9113	9113	1.339.690	
			- Cộng số phát sinh		728.848.907	728.848.907
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

Biểu số 2.2.6.2:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
30/06	PKT 021/06	30/06	Chuyển CP KH dây chuyền TB chế biến đá -->	6414	198.022.482	
30/09	TD 64/06	30/09	Kết chuyển chi phí khác 811 --> 9113	9113		198.022.482
09/09	PKT 004/09	09/09	Hạch toán giảm TSCĐ: xe cẩu Kobelco 15LA 0026	2113	50.840.000	
30/09	PKT 019/09	30/09	Hạch toán số vỏ oxy bị mất, hỏng, không sử dụng	242	86.195.053	
30/09	TD 64/12	30/09	Kết chuyển chi phí khác 811 --> 9113	9113		137.035.053
			- Cộng số phát sinh		335.057.535	335.057.535
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.7.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 TK cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Cuối mỗi quý, kế toán tính số thuế TNDN phải nộp trong quý và hạch toán vào phần Kế toán tổng hợp/Phiếu kế toán khác, ghi Nợ TK 8211 và ghi Có TK 3334. Sau đó, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bằng cách vào phân hệ Kế toán tổng hợp/Bút toán khóa sổ, chọn Chi phí thuế thu nhập hiện hành và nhấn F10 để máy tính tự động kết chuyển chi phí thuế TNDN trong quý.

2.2.7.2. Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Để xác định và phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm, kế toán sử dụng các tài khoản:

❖ **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**, TK 911 có 3 TK cấp 2:

- TK 9111: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- TK 9112: Kết quả hoạt động tài chính
- TK 9113: Kết quả hoạt động khác

❖ **TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**, TK 421 có 2 TK cấp 2:

- TK 4211: Lợi nhuận năm trước
- TK 4212: Lợi nhuận năm nay

Quá trình xác định kết quả kinh doanh thực hiện trên phần mềm kế toán Bravo được thực hiện như sau: Cuối kỳ, để kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh kế toán vào phân hệ “Kế toán tổng hợp”, sau đó chọn “Bút toán khóa sổ”. Cửa sổ “Bút toán khóa sổ” hiện ra, kế toán đánh dấu vào các ô trong cột “Chọn”

ứng với các chỉ tiêu cần kết chuyển, sau đó nhấn F10 để máy tính tự động thực hiện bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.2.7.1:

Chọn Số TT	Tk đi	Tk đến	Diễn giải	Loại KC	Kiểu KC
11	621	1541	Kết chuyển nguyên vật liệu	1-Kc số Ps	2-Ng > có
12	622	1541	Kết chuyển nhân công	1-Kc số Ps	2-Ng > có
13	627	1541	Kết chuyển CP sản xuất chung	1-Kc số Ps	2-Ng > có
55	511	9111	Kết chuyển doanh thu	1-Kc số Ps	1-Chương tình
56	632	9111	Kết chuyển giá vốn	1-Kc số Ps	1-Chương tình
61	515	9112	Thu nhập hoạt động tài chính	1-Kc số Ps	1-Chương tình
62	711	9113	Thu nhập hoạt động bất thường	1-Kc số Ps	1-Chương tình
63	635	9112	Chi phí hoạt động tài chính	1-Kc số Ps	1-Chương tình
64	811	9113	Chi phí bất thường	1-Kc số Ps	1-Chương tình
65	821	9111	Chi phí thuế TN hiện hành	1-Kc số Ps	1-Chương tình
71	641	9111	Kết chuyển chi phí bán hàng	1-Kc số Ps	1-Chương tình
72	642	9111	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	1-Kc số Ps	1-Chương tình
98	911	4212	Kết chuyển lãi lỗ	1-Kc số Ps	1-Chương tình
99	133	33311	Thuế GTGT được khấu trừ	1-Kc số Ps	1-Chương tình

Để xem Sổ cái các tài khoản 821, 911, 421 năm 2010 theo hình thức Nhật ký chung, kế toán vào mục Báo cáo/Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung/Sổ cái tài khoản, chọn số hiệu TK cần xem, khoảng thời gian từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 và chọn “Chấp nhận”. Kế toán nhấn F7 để in và Esc để trở về màn hình trước.

Biểu số 2.2.7.2:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
31/03	PKT 09/03	31/03	Hạch toán thuế TNDN quý I/2010	3334	240.733.984	
31/03	TĐ 65/03	31/03	Kết chuyển CP thuế TNDN quý I 821 --> 9111	9111		240.733.984
30/06	PKT 18/06	30/06	Hạch toán thuế TNDN quý II/2010	3334	1.978.535.804	
30/06	TĐ 65/06	30/06	Kết chuyển CP thuế TNDN quý II 821 --> 9111	9111		1.978.535.804
30/09	PKT 15/09	30/09	Hạch toán thuế TNDN quý III/2010	3334	818.984.369	
30/09	TĐ 65/09	30/09	Kết chuyển CP thuế TNDN quý III 821 -->	9111		818.984.369
31/12	PKT 12/12	31/12	Hạch toán thuế TNDN quý IV/2010	3334	870.625.485	
31/12	TĐ 65/12	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV 821 -->	9111		870.625.485
			- Cộng số phát sinh		3.908.879.642	3.908.879.642
			- Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.7.3:

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
31/12	TĐ 55/12	31/12	Kết chuyển doanh thu 511 --> 9111	511		51.402.108.844
31/12	TĐ 56/12	31/12	Kết chuyển giá vốn 632 --> 9111	632	48.091.760.404	
31/12	TĐ 61/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 515-->9112	515		31.071.551
31/12	TĐ 62/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác 711 --> 9113	711		1.382.656
31/12	TĐ 63/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính 635 -->	635	1.645.265.415	
31/12	TĐ 64/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác 811 --> 9113	811	5.080.090	
31/12	TĐ 71/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng 641 --> 9112	641	531.931.166	
31/12	TĐ 72/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN 642 --> 9112	642	863.635.779	
31/12	TĐ 65/12	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV 821 -->	821	870.625.485	
31/12	TĐ 98/12	31/12	Kết chuyển lãi lỗ 911 --> 4212	421	954.692.142	1.617.891.298
			- Cộng số phát sinh		364.844.548.727	364.844.548.727
			- Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích 1 trang sổ)

Biểu số 2.2.7.4:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			31.104.822.743
			- Số phát sinh trong năm			
		
31/10	TĐ 98/10	31/10	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9111		2.120.853.249
31/10	TĐ 98/10	31/10	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9112	807.119.812	
30/11	TĐ 98/11	30/11	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9111		2.693.820.495
30/11	TĐ 98/11	30/11	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9112		139.247.164
30/11	TĐ 98/11	30/11	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9113	1.100.000	
31/12	TĐ 98/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9111		954.692.142
31/12	TĐ 98/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9112	1.614.193.864	
31/12	TĐ 98/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận 911 --> 4212	9113	3.697.434	
			- Cộng số phát sinh		52.852.831.800	52.942.903.724
			- Số dư cuối năm			31.194.894.667

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang sổ)

Để xem Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010, kế toán vào mục “Báo cáo” trên thanh thực đơn, chọn “Báo cáo quyết toán – tài chính” và chọn “Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”. Kế toán nhập ngày bắt đầu: 01/01/2010 và ngày kết thúc: 31/12/2010 rồi nhấn “Chấp nhận”.

Biểu số 2.2.7.5:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	350.850.541.841	480.358.777.804
02	2. Các khoản giảm trừ			
10	3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ		350.850.541.841	480.358.777.804
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.27	317.150.652.701	461.084.195.531
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.699.889.140	19.274.582.273
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	2.471.322.096	9.751.212.549
22	7. Chi phí tài chính	VI.28	13.018.069.174	-14.933.762.870
23	- Trong đó: Lãi vay phải trả		8.308.755.894	12.752.532.517
24	8. Chi phí bán hàng		3.787.151.575	3.188.749.285
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.241.178.998	5.397.436.232
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.124.811.489	35.373.372.175
31	11. Thu nhập khác		728.848.907	5.055.609.167
32	12. Chi phí khác		335.057.535	3.980.689.674
40	13. Lợi nhuận khác		393.791.372	1.074.919.493
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.518.602.861	36.448.291.668
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	3.908.879.642	6.349.119.565
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30		
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.609.723.219	30.099.172.103
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

3.1. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

3.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty còn phải đương đầu với không ít khó khăn từ những yếu tố khách quan cũng như chủ quan mang lại. Mặc dù vậy, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo sáng suốt của Ban giám đốc Công ty, sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được một số thành tựu trong sản xuất kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Hơn nữa, để tồn tại và phát triển mỗi doanh nghiệp đều phải tìm cho mình một chiến lược kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường. Đối với tất cả các doanh nghiệp, bán hàng và giải quyết đầu ra cho sản phẩm là một trong những yếu tố quan trọng. Khâu bán hàng và hoàn thành kế hoạch tiêu thụ luôn được thực hiện tốt tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí. Bán hàng là một nghệ thuật đòi hỏi người kinh doanh phải am hiểu về thị trường, về thị hiếu người tiêu dùng, phải xác định thời điểm nào là thích hợp để tung sản phẩm ra thị trường. Có như vậy mới tăng doanh số bán ra trên thị trường, đẩy nhanh vòng quay của vốn lưu động.

Tuy nhiên, trên thực tế, không phải doanh nghiệp nào cũng làm tốt công tác bán hàng. Có doanh nghiệp chỉ quan tâm tới lợi nhuận mà quên mất việc tìm hiểu nhu cầu thị trường, lại có doanh nghiệp chú trọng khuếch trương sản phẩm mà không tính đến mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận dẫn đến thất bại trong kinh doanh. Nhưng với bộ máy quản lý linh hoạt, nhạy bén trong kinh doanh, Công ty

Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí đã đạt được những thành tựu lớn và ngày một khẳng định được vị trí của mình trên thị trường.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Để đảm bảo tính chủ động trong kinh doanh, tính chính xác và kịp thời của hệ thống thông tin kế toán cung cấp cho Ban giám đốc trong việc ra các quyết định kinh doanh, đảm bảo sự chỉ đạo và kiểm tra, quản lý của Công ty với đơn vị trực thuộc của Công ty về vốn và tài sản... Công ty đã áp dụng mô hình tổ chức kế toán tập trung. Mô hình này phù hợp với mô hình kinh doanh và mô hình phân cấp quản lý của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty đạt được những thành tựu đáng kể.

3.1.2. Ưu điểm

3.1.2.1. Về tổ chức công tác kế toán tại Công ty

- *Về tổ chức bộ máy quản lý:*

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí là một doanh nghiệp hoạt động trên 10 năm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thép và đã tạo được uy tín cao trên thị trường. Trong suốt quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy Công ty đã sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám

sát hoạt động kinh doanh. Bộ máy kế toán được tổ chức hoàn chỉnh, chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất góp phần đặc lực vào công tác quản lý giám sát tài chính của Công ty.

Công ty có đội ngũ nhân viên kế toán trẻ, giỏi về nghiệp vụ, nhiệt tình trong công việc, được bố trí phù hợp với trình độ khả năng của mỗi người. Kế toán trưởng là người giàu kinh nghiệm trong nghề, hiểu biết và nắm vững các chế độ kế toán, có khả năng hướng dẫn các kế toán viên thực hiện phần nhiệm vụ của mình. Nhờ đó mà bộ máy kế toán của Công ty làm việc rất hiệu quả, các nhiệm vụ của phòng kế toán được thực hiện nhịp nhàng theo đúng chế độ quy định, luôn đảm bảo cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho nhu cầu quản lý của Ban lãnh đạo một cách kịp thời, chính xác.

- Về hình thức kế toán:

Để bắt kịp với xu thế chung, nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán phải thu thập, xử lý các nghiệp vụ, thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Trên cơ sở đó Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí đã áp dụng máy vi tính vào việc hạch toán kế toán, hình thức kế toán trên máy vi tính đã giúp cho công ty giảm được phần lớn khối lượng công việc ghi chép số liệu của các nhân viên, hạn chế nhầm lẫn, đẩy nhanh quá trình tính toán, xử lý thông tin, bảo mật tin tức.

Bravo là một trong những phần mềm kế toán tiên tiến nhất hiện nay, nó được thiết kế nhằm mục tiêu điện toán hóa công tác kế toán tài chính. Phần mềm có thể theo dõi công nợ, tự động thực hiện các bút toán phân bổ và kết chuyển cuối kỳ, lên các báo cáo tài chính theo quy định. Công ty áp dụng hình thức kế toán tập trung, tất cả chứng từ đều được gửi về Phòng kế toán để phân loại, xử lý và nhập số liệu vào máy tính và lưu trữ. Do quy trình hạch toán hoàn toàn trên máy vi tính nên số liệu từ chứng từ gốc sẽ được tự động chuyển sang các phần hành liên quan và hệ thống sổ kế toán.

Việc sử dụng phần mềm kế toán đã góp phần thực hiện nguyên tắc tiết kiệm trong tổ chức công tác kế toán, giảm được rất nhiều thời gian, thao tác ghi sổ và sổ

sách kế toán. Công việc chủ yếu tại phòng kế toán là phân loại chứng từ sao cho hợp lý, kiểm tra xem chứng từ đã hợp pháp, hợp lý chưa, sau đó nhập vào máy. Việc ghi sổ và chuyển sổ cũng như phân đối chiếu giữa các sổ chi tiết với sổ tổng hợp, giữa các loại sổ sách với nhau được thực hiện phần lớn bởi phần mềm kế toán.

Thông qua việc sử dụng phần mềm kế toán, kế toán có thể cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm một cách nhanh chóng, chính xác vào bất cứ thời điểm nào. Hơn nữa, các thông tin này không có sự sai lệch giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán do cùng được xử lý trực tiếp từ số liệu trên các chứng từ do kế toán nhập vào máy tính.

- Về việc sử dụng chứng từ kế toán:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ, áp dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ hợp lý, chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán đều được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời và liên tục.

- Về hệ thống tài khoản kế toán:

Kế toán của Công ty đã lựa chọn và xây dựng hệ thống tài khoản cấp 1 theo quy định chung của Bộ tài chính. Bên cạnh đó còn sử dụng một số tài khoản cấp 2, 3 để đáp ứng nhu cầu theo dõi chi tiết. Nhìn chung việc sử dụng hệ thống tài khoản này là khá hợp lý đảm bảo việc thu thập thông tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, thông tin về tình hình biến động của tài sản, nguồn vốn của toàn công ty.

- Về hệ thống sổ sách kế toán:

Hệ thống sổ kế toán mà công ty sử dụng tương đối phù hợp với hình thức kế toán công ty áp dụng đó là hình thức kế toán máy. Kết cấu sổ được thiết lập trên mẫu quy định, không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp thông tin chính xác kịp thời. Trên mỗi sổ trình

tự nội dung ghi sổ được kế toán thực hiện đúng theo quy định. Hệ thống sổ sách trong công ty được ghi chép, sử dụng nhằm cung cấp các Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế, cơ quan chủ quản và các báo cáo chi tiết cho ban lãnh đạo của công ty.

Trong công tác kế toán việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành một cách kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh doanh. Vì vậy công tác kế toán của Công ty không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản lý.

3.1.1.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về công tác kế toán doanh thu

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng giàu kinh nghiệm nên hiện nay phần lớn doanh thu đều được hạch toán theo dõi chặt chẽ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình kinh doanh để từ đó có cách nhìn đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về công tác kế toán chi phí

Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn cố gắng quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai không chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ.

Kế toán đã mở sổ chi tiết tài khoản cấp hai cho từng loại chi phí phát sinh. Việc làm này là rất cần thiết giúp kế toán xác định được kết quả cụ thể, chính xác và việc quản lý được dễ dàng, từ đó có thể đưa ra các biện pháp hữu hiệu đối với các khoản chi phí này.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

3.1.2. Nhược điểm

3.1.2.1. Về tổ chức công tác kế toán tại Công ty

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, Công ty còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

- *Về việc luân chuyển chứng từ:*

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí nói riêng. Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí còn có một chi nhánh tại Bến Kiền, cách khá xa trụ sở chính của Công ty. Khách hàng có thể đến nhận hàng tại kho Công ty hoặc kho Chi nhánh. Hàng tháng, thủ kho tại Chi nhánh sẽ chuyển Biên bản giao nhận kiêm Phiếu xuất kho phát sinh trong tháng về phòng kế toán Công ty. Tuy nhiên, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng chứng từ bị chậm chễ trong quá trình đưa đến phòng kế toán để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

- *Về việc sắp xếp vị trí của các nhân viên kế toán:*

Kế toán công nợ của Công ty có nhiệm vụ theo dõi công nợ trên sổ theo dõi công nợ được lập bằng tay và viết Hóa đơn GTGT, tuy nhiên, kế toán công nợ lại được sắp xếp ngồi tại Phòng kinh doanh, tách biệt với các kế toán viên còn lại trong Phòng kế toán. Điều này tạo nên sự bất tiện cho khách hàng khi đến mua hàng tại Công ty, nhận Hóa đơn GTGT và thanh toán vì khách hàng phải lấy hóa đơn ở Phòng kinh doanh, vào Phòng kế toán để viết Phiếu thu và nộp tiền tại bàn của thủ quỹ. Đồng thời, việc này cũng làm cản trở việc trao đổi, đối chiếu thông tin, so sánh số liệu giữa kế toán công nợ và các kế toán viên khác của Công ty.

- *Về việc theo dõi nguyên tệ của ngoại tệ trên TK 007:*

Theo chế độ kế toán hiện hành, bên cạnh việc phản ánh số tiền ngoại tệ quy đổi ra đồng Việt Nam trên TK 1112, 1122 còn phải phản ánh nguyên tệ trên TK 007 – Ngoại tệ các loại nhưng trên thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ thì kế toán không theo dõi phần nguyên tệ trên TK 007. Như vậy là không đúng với chế độ kế toán hiện hành và gây khó khăn trong việc quản lý từng loại ngoại tệ và tình hình biến động của chúng.

3.1.2.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- *Về việc hạch toán các khoản chiết khấu thương mại:*

Trong năm 2010, Công ty có áp dụng chiết khấu thương mại đối với những khách hàng mua hàng với số lượng lớn trong tháng theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng. Tuy nhiên, kế toán của Công ty không sử dụng tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại để phản ánh khoản chiết khấu này mà chỉ phản ánh giá bán đã trừ chiết khấu thương mại vào tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Việc hạch toán như vậy là sai so với quy định hiện hành.

- *Về chính sách ưu đãi về đối với những khách hàng thanh toán sớm, thanh toán trước thời hạn.*

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn thu hút khách hàng. Bên cạnh đó, trong kinh doanh thường xuyên xảy ra tình trạng Công ty bị các đối tác chiếm dụng vốn bằng cách kéo dài thời gian thanh toán. Chính vì vậy, việc không áp dụng các chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước thời hạn ghi trong hợp đồng đã góp phần làm tăng tình trạng chiếm dụng vốn nêu trên, tăng rủi ro không thu được tiền hàng, giảm cơ hội sử dụng vốn vào các mục đích khác để sinh lời cho doanh nghiệp...

- Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi::

Hiện nay Công ty không tiến hành trích lập khoản dự phòng đối với những khách hàng khó có khả năng thanh toán. Do vậy khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản, không có khả năng thanh toán thì Công ty sẽ không có các khoản dự phòng để bù đắp rủi ro. Như vậy là đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành công hay thất bại của một doanh nghiệp phụ thuộc vào từng quyết định mà nhà quản lý đưa ra. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp để từ đó, ban lãnh đạo sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu

quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời nhưng khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.3. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất
- + Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

- + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.
- + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế.
- Tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty, qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

3.2.4.1. Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty từ kho hay chi nhánh sang phòng tài vụ để xử lý chứng từ chậm chễ gây rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành thành phẩm, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh

hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, Công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn, có thể quy định định kỳ 10 ngày hoặc 15 ngày, các phòng ban, kho... phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó vào máy một cách nhanh chóng và kịp thời nhất.

3.2.4.2. Về việc sắp xếp vị trí của các nhân viên kế toán

Từ các hạn chế phát sinh do việc sắp xếp chưa hợp lý vị trí của nhân viên kế toán công nợ cũng là người có nhiệm vụ lập các Hóa đơn GTGT, Công ty nên sắp xếp cho kế toán công nợ ngồi làm việc tại Phòng kế toán, cùng với các nhân viên kế toán khác. Như vậy sẽ tạo điều kiện cho khách hàng khi đến mua hàng tại Công ty không phải đi lại nhiều khi nhận các chứng từ, tiết kiệm thời gian, tránh gây khó chịu cho khách hàng. Đồng thời, việc sắp xếp như vậy cũng giúp cho việc trao đổi thông tin, đối chiếu công nợ giữa sổ công nợ ghi chép theo phương pháp thủ công với số liệu trên máy tính được thuận tiện, dễ dàng.

3.2.4.3. Về việc sử dụng TK 007 để theo dõi nguyên tệ của ngoại tệ

Công ty nên sử dụng TK 007 để theo dõi nguyên tệ trong quá trình thu tiền bán hàng của khách nước ngoài. Có như vậy mới tránh được tình trạng thâm hụt các khoản tiền, giúp theo dõi chính xác số lượng ngoại tệ trong công ty. Như vậy ngoài việc phản ánh giá trị của ngoại tệ bằng tiền Việt Nam trên TK 1112, TK 1122 thì kế toán còn phải theo dõi trên TK 007: ghi theo nguyên tệ. Đặc biệt với các khoản thanh toán với người nước ngoài kế toán nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng ngoại tệ để dễ theo dõi.

3.2.4.4. Về việc sử dụng Tài khoản 521 – Chiết khấu thanh toán để phản ánh các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên

hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chi hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131,...

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Ví dụ 3.2.4.1:

Ngày 30/12/2010, Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí bán thép hình cho Công ty TNHH Nhà nước một thành viên cơ khí Duyên Hải, giá bán chưa thuế 1.026.608.443 đồng (thuế GTGT 10%) theo Hóa đơn GTGT số 0029558 PQ/2010B. Chiết khấu thương mại đối với hàng hóa mua trong tháng 12/2010 là 1% tính trên tổng giá bán chưa thuế của các Hóa đơn GTGT bán hàng cho Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải phát sinh trong tháng (HĐ GTGT số 0029494 và 0029558).

$$\begin{aligned} \text{Tổng cộng tiền hàng của 2 HĐ} &= 1.420.485.857 + 1.026.608.443 \\ &= 2.447.094.300 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

$$\text{Tổng số tiền chiết khấu của 2 HĐ} = 2.447.094.300 \times 1\% = 24.470.943 \text{ (đồng)}$$

Biểu số 3.2.4.1:

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
PQ/2010B
0029494

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CTY CP SX VÀ KD KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 0200412681

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CTY TNHH 1 TV CK DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MST: 0100894199

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép hình các loại	Kg	159.712,824	8.894	1.420.485.857
Cộng tiền hàng:					1.420.485.857
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 142.048.586
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.562.534.443

Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng.

Người mua hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu số 3.2.4.2:

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
PQ/2010B
0029558

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CTY CP SX VÀ KD KIM KHÍ

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 0200412681

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CTY TNHH 1 TV CK DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MST: 0100894199

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép hình các loại	Kg	110.127,488	9.322	1.026.608.443
2	Chiết khấu thương mại tháng 12/2010 (1% tổng giá bán của 2 HĐ 0029494 và 0029558)				24.470.943

Cộng tiền hàng: 1.002.137.500

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 100.213.750

Tổng cộng tiền thanh toán: 1.102.351.250

Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ một trăm linh hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Kế toán của Công ty định khoản:

1. Nợ TK 131: 1.102.351.250

Có TK 511112: 1.002.137.500

Có TK 3331: 100.213.750

Hạch toán như vậy là sai quy định.

Trường hợp này, kế toán phải vào mục Bán hàng – Phải thu/Hóa đơn bán hàng, nhân F2 và nhập các thông tin cần thiết, trong đó số tiền hạch toán vào Doanh thu bán hàng là giá bán chưa trừ đi khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng. Thuế GTGT phải nộp là 10% của doanh thu bán hàng.

Sau đó, kế toán vào mục Kế toán tổng hợp/Phiếu kế toán khác và nhân F2 để lập Phiếu kế toán mới phản ánh khoản chiết khấu thương mại.

Định khoản đúng:

1. Nợ TK 131: 1.129.269.287

Có TK 511112: 1.026.608.443

Có TK 3331: 102.660.844

2. Nợ TK 521: 24.470.943

Nợ TK 3331: 2.447.094

Có TK 131: 26.918.037

Biểu số 3.2.4.3: Sổ cái Tài khoản 511 (Theo kế toán của Công ty)

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
30/12	HD 0029556	30/12	DT bán thép các loại	131		8.686.092
30/12	HD 0029557	30/12	DT bán thép hình	131		34.560.000
30/12	HD 0029558	30/12	DT bán thép các loại	131		1.002.137.500
30/12	HD 0029559	30/12	DT bán thép hình	131		184.140.000
30/12	HD 0029560	30/12	DT bán thép tấm	131		11.239.662
		
31/12	TĐ 55/12	31/12	Kết chuyển doanh thu 511 --> 9111	9111	51.402.108.844	
			- Cộng số phát sinh		350.850.541.841	350.850.541.841
			- Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang số)

Biểu số 3.2.4.4: Sổ cái TK 511 (Đã sử dụng tài khoản 521 để hạch toán)

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ
SỐ 6 NGUYỄN TRÃI, NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong năm			
		
30/12	HD 0029556	30/12	DT bán thép các loại	131		8.686.092
30/12	HD 0029557	30/12	DT bán thép hình	131		34.560.000
30/12	HD 0029558	30/12	DT bán thép các loại	131		1.026.608.443
30/12	HD 0029559	30/12	DT bán thép hình	131		184.140.000
30/12	HD 0029560	30/12	DT bán thép tấm	131		11.239.662
		
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển các khoản giảm trừ DT 521 --> 5111	521	24.470.943	
31/12	TĐ 55/12	31/12	Kết chuyển doanh thu 511 --> 9111	9111	51.402.108.844	
			- Cộng số phát sinh		350.875.012.784	350.875.012.784
			- Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Trích 1 trang số)

3.2.4.5. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán đối với khách hàng thanh toán trước thời hạn

Chiết khấu thanh toán: Là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua khi người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng. Số tiền chiết khấu này được coi là một khoản chi phí và được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Khi hạch toán khoản chiết khấu thanh toán cho người mua được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán theo thỏa thuận, kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112,...

Với việc áp dụng chính sách này, công ty không giảm được tình trạng bị các khách hàng chiếm dụng vốn mà còn giảm thiểu rủi ro không thu được tiền, có cơ hội sử dụng các khoản tiền thanh toán sớm của khách hàng để tái đầu tư sinh lợi nhuận hoặc gửi vào tài khoản ở ngân hàng và thu lãi tiền gửi...

Ví dụ 3.2.4.2: Ngày 28/12/2010 Công ty bán thép tấm cho Công ty TNHH Toàn An theo Hóa đơn GTGT PQ/2010B 0029596. Tổng số tiền thanh toán 193.011.664 đồng (VAT 10%). Công ty TNHH Toàn An đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

Trong trường hợp này Công ty nên cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán (thông thường từ 1% đến 2% tổng số tiền khách hàng đã thanh toán) để khuyến khích khách hàng tiếp tục mua hàng của doanh nghiệp đồng thời thanh toán sớm trong những lần mua hàng sau.

Giả sử Công ty cho Công ty TNHH Toàn An hưởng khoản chiết khấu thanh toán là 1% tổng số tiền thanh toán:

Số tiền chiết khấu được hưởng: $193.011.664 \times 1\% = 1.930.117$ đồng.

Khi đó, ngoài việc thực hiện các thao tác để hạch toán như đối với các nghiệp vụ bán hàng thanh toán ngay bằng chuyển khoản thông thường, kế toán của công ty sẽ vào Phân hệ Kế toán tổng hợp, chọn mục Phiếu kế toán khác và lập phiếu kế toán mới, định khoản như sau:

Nợ TK 635: 1.930.117

Có TK 112: 1.930.117

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 3.2.4.5:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ

Số 6 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số: PKT007/12 (Mã c.từ: PKT)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12	PKT007	Chiết khấu thanh toán	635	112	1.930.117	
		TỔNG CỘNG			1.930.117	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Một triệu chín trăm ba mươi nghìn một trăm mười bảy đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

3.2.4.6. Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như

sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được.

- Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ

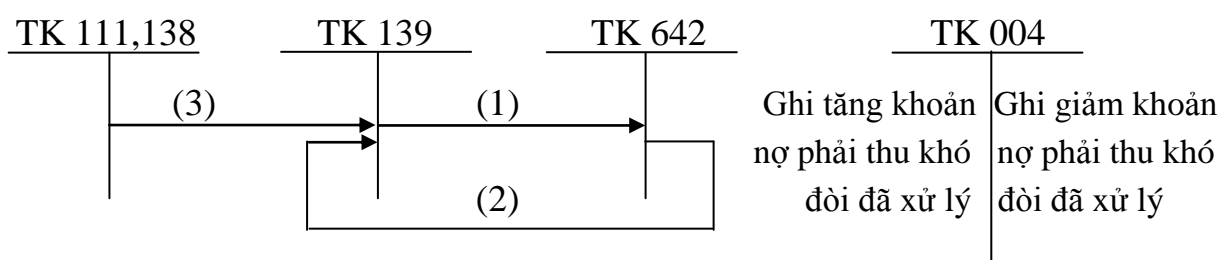
Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Sơ đồ 2.2.3: Kế toán dự phòng phải thu khó đòi:



(1) Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm.

(2) Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí.

(3) Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được,

được phép xoá nợ (việc xoá nợ phải theo đúng chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 711 - Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Nợ TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Có TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý.

Do đặc điểm sản phẩm của Công ty, giá trị của hàng tồn kho là rất lớn. Hơn nữa thị trường kinh doanh các loại thép cũng có nhiều biến động do sự xâm nhập của hàng hóa Trung Quốc có chất lượng kém hơn nhưng giá cả thấp. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm thiểu tới mức tối đa các tổn thất có thể xảy ra, Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho số hàng còn tồn kho cuối kỳ. TK 159 được mở chi tiết cho từng loại sản phẩm, hàng hóa.

Cuối kỳ kế toán năm, kế toán tiến hành trích lập dự phòng cho số hàng còn tồn kho cuối kỳ:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trong niên độ kế toán tiếp theo, nếu hàng tồn kho không bị giảm giá đã tiêu thụ thì ngoài các bút toán ghi nhận doanh thu, giá vốn, kế toán hoàn nhập số dự phòng đã lập cho số hàng đó, ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ theo bút toán:

Nợ TK 159 – Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khoá luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán các loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã nêu được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí trong năm 2010.

- Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Công ty: Từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu, khóa luận đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các bác, các anh chị kế toán Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí, của cô giáo hướng dẫn Ths. Trần Thị Thanh Thảo và các thầy cô giáo trong khoa.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Phạm Nguyễn Hồng Huệ